

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại (0236) 3622 007
Fax (0236) 3642 423
Website www.moitruongdothidanang.com.vn
Email danangurenco@vnn.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- | | |
|------------------|--|
| • Tên Công ty | CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG |
| • Tên viết tắt | Công ty CP MTĐT Đà Nẵng |
| • Tên Tiếng Anh | DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY |
| • Mã cổ phiếu | DNE |
| • Vốn điều lệ | 57.736.000.000 đồng |
| • Vốn chủ sở hữu | 69.613.678.565 đồng |
| • Trụ sở chính | 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |
| • Điện thoại | (0236) 3622 007 |
| • Fax | (0236) 3642 423 |
| • Email | danangurenco@vnn.vn |
| • Website | www.moitruongdothidanang.com.vn |
| • Đăng ký DN | Số 0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/10/2015, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/12/2018 |



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

04/1975

Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ

1985

Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng

1992

03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng

1993

Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng

1997

Do chia tách tỉnh, Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Giao thông Công chính TP. Đà Nẵng

01/2008

Công ty chuyển sang trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Đà Nẵng





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2010

Công ty chuyển thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 3950/QĐ-UB ngày 26/5/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp Giấy CNĐKDN số 0400228640 lần đầu ngày 24/06/2010

01/10/2015

Công ty hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015

15/02/2016

Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng

05/04/2017

CTCP Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 10.400 đồng/CP

2018

Ngày 05/12/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh loại chứng khoán từ chuyển nhượng có điều kiện sang chuyển nhượng tự do đối với 13.200 cổ phiếu DNE của 22 cổ đông theo đề nghị của Công ty tại công văn số 786/MTĐT-TCHC ngày 30/11/2018; Doanh nghiệp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 ngày 12/12/2018.





CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2001

- 18/01/2001: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2000” Quyết định số 232/QĐ-BGTVT;
- 25/04/2001: Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ;
- 28/05/2001: Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN;
- 27/12/2001: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã có thành tích tốt trong phong trào quần chúng Bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2001” Quyết định số 8334/QĐ-UB.

2002

- Ngày 04/01/2002: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2001 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 25-QĐ/QU.
- Ngày 15/01/2002: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001” Quyết định số 138/QĐ-BGTVT.

2003

- Ngày 15/01/2003: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2002 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số 56-QĐ/QU; Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ;
- Ngày 13/02/2003: Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giao thông “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002” Quyết định số 351/QĐ-BGTVT.

2004

- Ngày 02/03/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Bằng khen “Đã hoàn thành tốt công tác vệ sinh đô thị phục vụ các ngày lễ lớn trong năm 2003” Quyết định số 1518/QĐ-UB;
- Ngày 20/07/2004: Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐ-LĐLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2004);
- Ngày 27/11/2004: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích tốt trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị năm 2003” Quyết định số 581 /QĐ-UB.

2005

- Ngày 27/01/2005: Bằng khen của UBND thành phố Đà Nẵng Theo QĐ số: 745/QĐ-UB đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác Công đoàn năm 2004.
- Ngày 29/03/2005: Bằng khen của Tổng Cục Thuế theo QĐ số: 148/TCT/QĐ/VP đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2004;
- Ngày 22/12/2005: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả cơn bão số 8 năm 2005” Quyết định số 9828/QĐ-UB.

2006

- Ngày 05/01/2006: Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo QĐ số: 33/QĐ-TLĐ đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2005;
- Ngày 31/03/2006: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt kế hoạch vệ sinh môi trường đô thị phục vụ Tết Bính Tuất năm 2006” theo Quyết định số 1518/QĐ-UB;
- Ngày 11/05/2006: Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU (TIẾP THEO)

2007

- Ngày 12/01/2007: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2006 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: -QĐ/QU

2008

- Ngày 07/01/2008: Đảng bộ trong sạch vững mạnh năm 2007 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: 1107-QĐ/QU;
- Ngày 20/03/2008: Cờ thi đua Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng năm 2007 “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2007” theo Quyết định số 2436/QĐ-UB.

2009

- Ngày 30/03/2009: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2008” theo Quyết định số 2360/QĐ-UB;
- Ngày 28/05/2009: Thủ Tướng Chính phủ tặng thưởng “Cờ thi đua Chính phủ năm 2008” Quyết định số 684/QĐ-TTg;
- Ngày 22/12/2009: Đảng bộ đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 2009 của Quận uỷ Hải Châu theo QĐ số: 2575 -QĐ/QU.

2010

- Ngày 22/01/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB;
- Ngày 14/04/2010: Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐUB;
- Ngày 31/08/2010: Chủ tịch nước tặng thưởng “ Huân chương Độc lập hạng ba ” quyết định số 1460/QĐ/CTN.

2017

- Ngày 20/11/2017: Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, phối hợp tổ chức và phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC Việt Nam 2017 tại TP Đà Nẵng;
- Ngày 22/12/2017: Công an TP Đà Nẵng tặng Giấy khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2017.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao, vịnh biển và bờ biển. Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu. Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ các công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.



Địa bàn kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động tại Thành phố Đà Nẵng





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

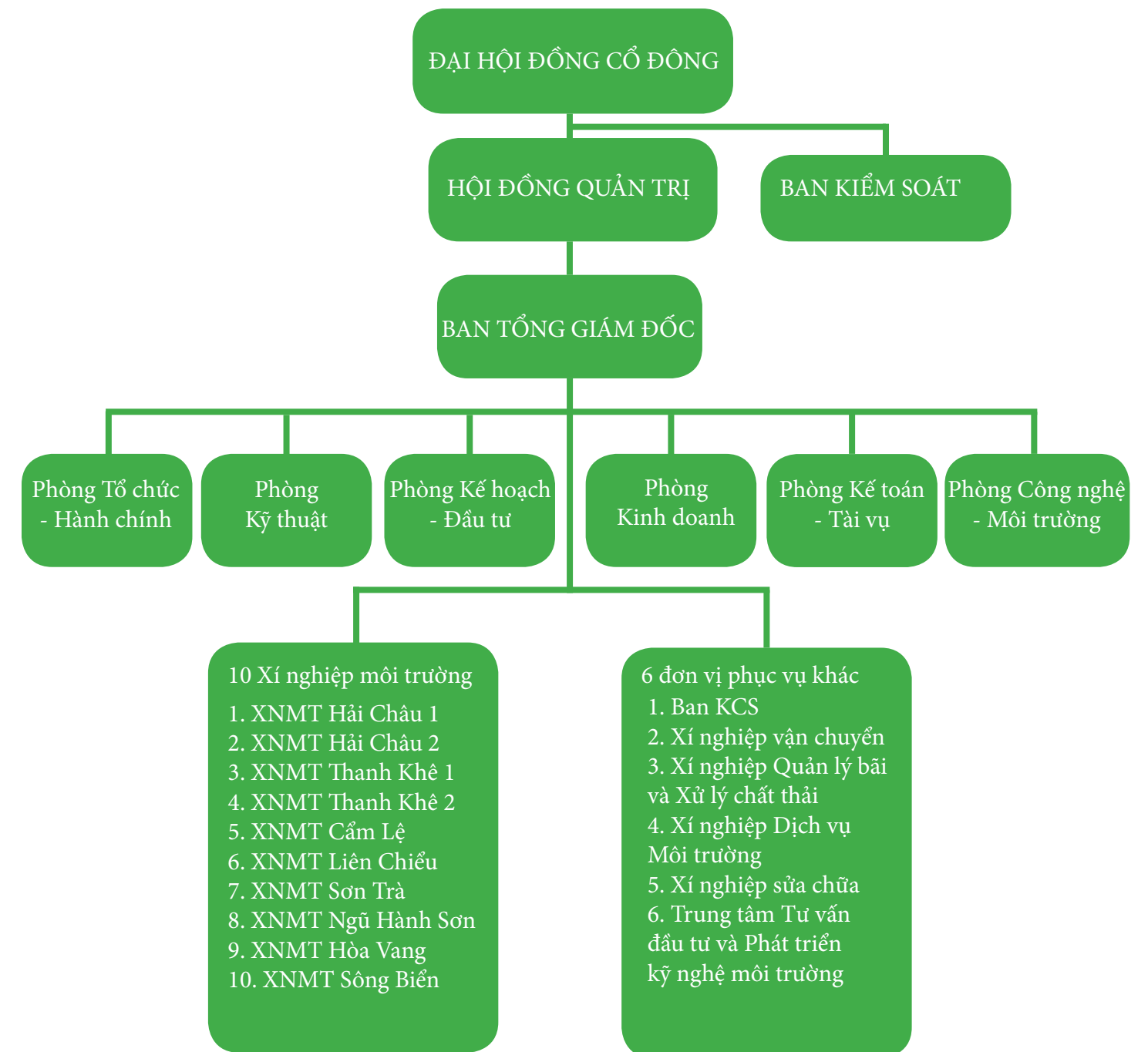
Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần. Công ty được tổ chức gọn nhẹ để giảm thiểu và triệt tiêu những lãng phí không cần thiết, và hướng đến hiệu quả cao nhất cho cổ đông.

Công ty con, công ty liên kết: Không có



Sơ đồ tổ chức





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục phát triển mạng lưới dịch vụ công cộng ra các khu vực thị trấn, thị tứ thuộc huyện Hoà Vang dựa theo tiêu chí nông thôn mới để khai thác;
- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực nhận đặt hàng phục vụ vệ sinh đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty;
- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ vệ sinh có nguồn thu không từ ngân sách nhà nước; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào lợi nhuận Công ty và nâng cao đời sống người lao động;
- Lợi nhuận trong giai đoạn này phấn đấu tăng trưởng đều bình quân hàng năm từ 15% đến 20% đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Mục tiêu về thị trường

Giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đồng thời nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận cũng như trên toàn quốc về các mảng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường với giá cả mang tính cạnh tranh, trong đó các mảng chú trọng là chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan đến môi trường.

Mục tiêu về lợi nhuận

- Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới đầu tư công nghệ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành; góp phần phát huy năng suất của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm;
- Doanh thu trong những năm đầu tiên sau cổ phần hóa phấn đấu đạt mức tăng trưởng đều bình quân hàng năm là từ 15% - 20%. Trong đó doanh thu dịch vụ tăng 20% - 25%, phấn đấu doanh thu loại hình này trong những năm về sau chiếm tỷ trọng từ 35% - 40% tổng doanh thu toàn Công ty;
- Phấn đấu chi trả cổ tức đạt tối thiểu 8%/năm.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017, đã vượt mức kế hoạch 6,7% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm qua kể từ năm 2008, đồng thời tăng trưởng kinh tế đạt đồng đều trên tất cả các lĩnh vực cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng và ngày càng mở rộng. Nền kinh tế phát triển luôn mang theo những điều tích cực về đời sống xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống

của người dân, tuy nhiên bên cạnh đó kéo theo những vấn đề về ô nhiễm môi trường cũng gia tăng nhanh chóng cùng với tốc độ đô thị hóa sẽ vừa là một cơ hội cũng và vừa là một thách thức đối với tất cả các doanh nghiệp, công ty nói chung và đặc biệt đối với những công ty cung cấp dịch vụ công cộng liên quan đến lĩnh vực môi trường như Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.



Rủi ro pháp luật

Việc tuân thủ đúng các quy định về pháp luật là điều kiện quan trọng để các doanh nghiệp có thể hoạt động ổn định, bền vững và xây dựng hướng phát triển cho doanh nghiệp. Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế, Luật Tài nguyên và Bảo vệ môi trường,... và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty. Hệ thống Luật và văn bản dưới Luật của Việt Nam còn đang trong quá trình sửa chữa, hoàn thiện và bổ sung, nên việc áp dụng vào thực tế các quy định ban hành của pháp luật trong doanh nghiệp còn

gặp nhiều khó khăn. Doanh nghiệp cần thời gian để tìm hiểu, nghiên cứu cụ thể các quy định, thực hiện đúng theo pháp luật, nên sẽ có những độ trễ nhất định trong việc áp dụng, điều này sẽ ảnh hưởng đến quá trình quản trị cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay các cơ quan ban ngành Chính phủ đang dần cải thiện hệ thống pháp luật, làm cho thủ tục pháp lý trở nên đơn giản, dễ dàng áp dụng hơn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của xã hội sẽ là cơ hội giúp các doanh nghiệp, các công ty cắt giảm rủi ro về pháp luật và phát triển nhanh hơn.

Rủi ro đặc thù ngành

Nguyên vật liệu đầu vào: Vì hoạt động trong lĩnh vực môi trường cung cấp các dịch vụ công cộng như vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý rác thải,... cho nên công ty không thể tự gia tăng doanh thu bằng cách thay đổi giá dịch vụ mà phải phụ thuộc vào quy định của pháp luật nên khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động sẽ làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi chi phí gia tăng, mục tiêu giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận cũng như trên toàn quốc với giá cả cạnh tranh của Công ty cũng sẽ gặp không ít trở ngại.

Rủi ro cạnh tranh: DNE là một Công ty có bề dày hoạt động trong việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến môi trường và là công ty đi tiên phong trong việc cổ phần hóa so với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nên được sự tin tưởng và tín nhiệm của lãnh đạo thành phố cũng như khách hàng và hầu như không có rủi ro cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Công ty cũng cần chú trọng cải thiện cũng như phát triển bộ máy quản lý, thường xuyên rà soát nội bộ, kịp thời phát hiện những sai phạm để có thể nhanh chóng xử lý, đảm bảo sự ổn định và giúp Công ty giữ vững vị thế trong ngành Môi trường.



Rủi ro khác

Thiên tai, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra bất cứ lúc nào mà rất khó để phòng và thường để lại hậu quả nghiêm trọng. Do đó, đòi hỏi Công ty phải thường xuyên cập nhật, theo dõi thông tin về thời tiết và những thiên tai có thể xảy ra để thực hiện tốt trong công tác chuẩn bị, giảm thiểu tổn thất khi có rủi ro xảy ra.

Rủi ro môi trường

Áp lực từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trên toàn thế giới đòi hỏi Công ty cần có những kế hoạch, chiến lược phát triển hợp lý để có thể đảm bảo vừa cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời góp phần làm giảm sự ô nhiễm tác động lên biến đổi khí hậu, giảm thiểu tai trong khu vực. Trong năm 2018, một đợt mưa lớn vào giữa tháng 12 đã làm thành phố Đà Nẵng bị ngập nặng, ách tắc mọi tuyến đường giao thông, người dân gặp khó khăn trong việc đi lại, nhiều tài sản bị thiệt hại nghiêm trọng... là một trong những tổn thất khá nghiêm trọng thành phố Đà Nẵng phải gánh chịu. Trước tình hình đó, Công ty đã nhanh chóng triển khai kế hoạch bơm nước, nạo vét cống rãnh, hoạt động liên tục tối đa công suất để thoát nước ra khỏi thành phố, nhanh chóng đưa các tuyến đường và việc sinh hoạt trở lại bình thường.

Thành phố Đà Nẵng là một thành phố du lịch nổi tiếng của nước ta, lượng khách du lịch đến Đà Nẵng ngày càng tăng nhanh những năm gần đây, đặc biệt trong năm 2018 tổng lượng khách tham quan, du lịch đến Đà Nẵng đạt 7,6 triệu lượt khách, tăng 15,5% so với năm 2017 và đạt 102,5% kế hoạch (Theo số liệu thống kê từ Sở du lịch thành phố Đà Nẵng). Việc đón tiếp một lượt khách du lịch lớn như vậy và với việc ý thức giữ vệ sinh chung chưa cao, sẽ tác động trực tiếp đến môi trường thành phố, làm cho mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng đáng sống, xây dựng môi trường Xanh – Sạch – Đẹp gặp nhiều khó khăn. Đây là một thách thức lớn tác động đến các công ty kinh doanh, cung cấp dịch vụ công cộng trong lĩnh vực môi trường nói chung và Công ty cổ phần Môi trường và Đô thị Đà Nẵng nói riêng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu
Trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng

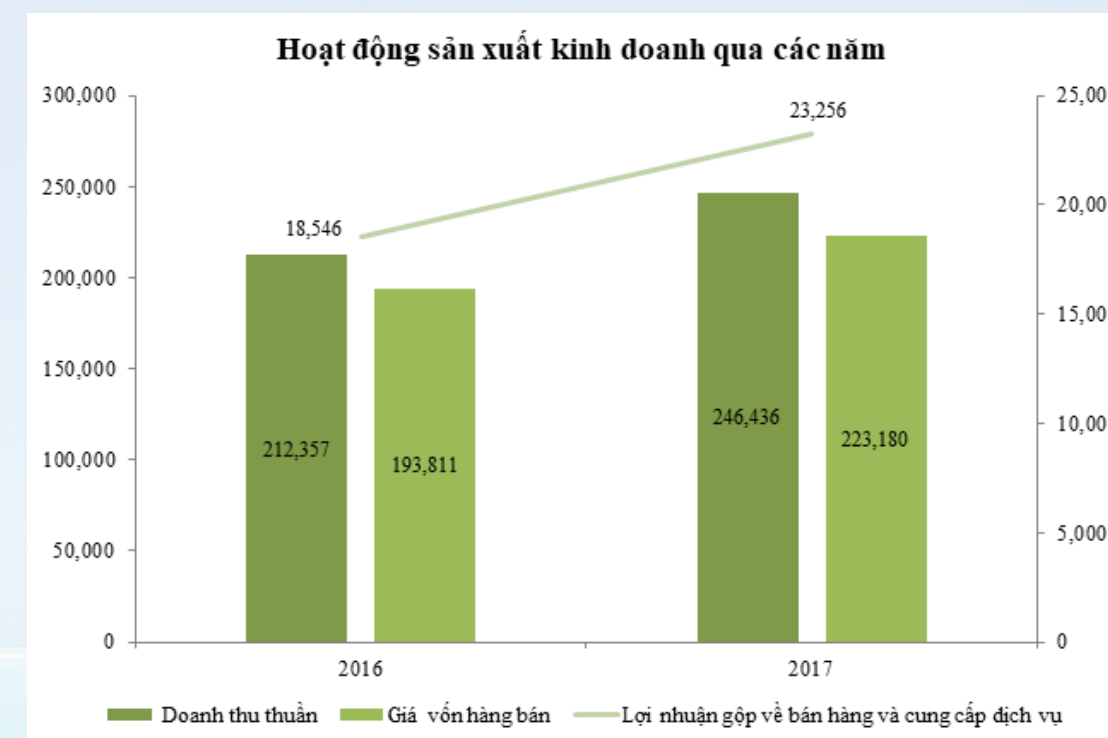


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	212.357	246.436	16,05%
2	Giá vốn hàng bán	193.811	223.180	15,15%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.546	23.256	25,40%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	89	124	39,88%
5	Chi phí tài chính	-	52	-
	Chi phí lãi vay	-	52	-
6	Chi phí bán hàng	34	-	-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.582	12.540	18,50%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.019	10.788	34,54%
9	Lợi nhuận trước thuế	8.290	9.407	13,47%
10	Lợi nhuận sau thuế	7.360	8.284	12,57%

Năm 2018, doanh thu thuần của Công ty đạt 246,44 tỷ đồng tăng 16,05% so với năm 2017 với sự gia tăng trong tất cả các khoản mục doanh thu. Giá vốn hàng bán trong năm cũng biến động tăng 15,15% so với cùng kỳ, chủ yếu là gia tăng giá vốn của dịch vụ đã cung cấp. Tuy nhiên sự cải thiện đáng kể trong doanh thu giúp lợi nhuận gộp đạt 23,26 tỷ đồng, tương ứng tăng 25,40% so với cùng kỳ. Doanh thu hoạt động tài chính trong năm cũng gia tăng 39,88% đến từ lãi tiền gửi. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 tăng 18,50% chủ yếu là do gia tăng trong chi phí nhân viên quản lý, thuế và các khoản lệ phí phải nộp và chi phí dịch vụ mua ngoài; năm 2018 Công ty không phát sinh chi phí bán hàng



Nhìn chung trong năm 2018, Công ty chịu sự gia tăng trong hầu hết các chi phí tuy nhiên lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt đạt 9,41 tỷ đồng và 8,28 tỷ đồng tương ứng gia tăng 13,47% và 12,57% so với cùng kỳ năm 2017. Một số nguyên nhân giúp Công ty cải thiện được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đó là:

- Tham gia tốt trong lĩnh vực liên quan đến Công ty đối với các phong trào bảo vệ môi trường cũng như các sự kiện chính trị diễn ra trên địa bàn thành phố đặc biệt là sự kiện pháo hoa Quốc tế diễn ra từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 6 năm 2018;
- Tiếp tục triển khai thực hiện thu gom rác theo phương án các quận huyện trên địa bàn thành phố phê duyệt. Đồng thời thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh đô thị theo hình thức đặt hàng được phân cấp về các quận, huyện làm chủ đầu tư ký hợp đồng giao Công ty thực hiện;
- Phối hợp với các Sở ngành liên quan cùng chính quyền, người dân phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu giám sát công tác xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn theo đúng quy trình của Sở Tài nguyên & Môi trường ban hành, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng ô nhiễm tại bãi rác.

 **TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Minh Đức	Tổng Giám đốc	985.412	17,068%
2	Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc	4.700	0,081%
3	Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	3.500	0,061%
4	Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng	4.000	0,069%

(*) Tính tại thời điểm 09/04/2019



Lý lịch Ban Điều hành

1. Ông Võ Minh Đức - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 14/06/1972
Quê quán : Phường Hòa Phú, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 206 Trưng Nữ Vương, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh Doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Quá trình công tác

- 09/1995 – 04/2002: Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 05/2002 – 04/2005: Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 05/2005 – 07/2005: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 08/2005 – 12/2005: Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 01/2006 – 06/2006: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Quận Thanh Khê.
- 07/2006 – 06/2011: Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê.
- 07/2011 – 09/2015: Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 10/2015 – 11/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 12/2018 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: : 985.412 cổ phần, chiếm 17,068% vốn điều lệ

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 3.900 cổ phần, chiếm 0,068% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



2. Ông Phạm Quang Sáng - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 05/10/1961
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 20 Đặng Thai Mai, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Kỹ sư Quản lý doanh nghiệp công nghiệp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cử nhân

Quá trình công tác

- 10/1978 – 12/1983: Đi bộ đội tại Huyện đội Quế Sơn, sau đó điều động về D75, học nghiệp vụ thông tin tại đại đội thông tin. Tháng 5/1980 được điều về Ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Tháng 5/1983 học sĩ quan dự bị tại Trường Quân chính Quân khu V.
- 01/1984 – 05/1989: Chuyên viên phòng Tổ chức Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Trong thời gian này học tại Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (1986 – 1991).
- 05/1989 – 10/2007: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hữu Nghị Đà Nẵng.
- 04/2008 – 08/2009: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 09/2009 – 01/2016: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 01/2016 – 12/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 12/2018 – nay : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ.

Trong đó

+ Sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Phạm Phúc Ánh	Anh ruột	6.600	0,114%



3. Ông Trần Văn Tiên - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 15/05/1961
Quê quán : Xã Phước Đại, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam
Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : H9/03 K233 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Đông, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Trình độ

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh Doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Sơ cấp

Quá trình công tác

- 08/1979 – 11/1983: Trung sĩ – Tiểu đội trưởng E810, F342 Quân khu IV.
- 12/1983 – 05/1985: Học văn hóa, làm thợ tự do.
- 05/1985 – 10/1989: Cán bộ Phòng Tổ chức Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.
- 10/1986 – 05/1996: Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng.
- 11/1989 – 03/1992: Đội trưởng đội Vệ sinh Môi trường TP Đà Nẵng.
- 1993 – 2003: Đội trưởng đội Môi trường số 4, Công ty Môi trường đô thị TP Đà Nẵng.
- 2003 – 12/2008: Trải qua các chức vụ Phó phòng Kế hoạch, Trưởng phòng KCS Môi trường, Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Môi trường đô thị TP Đà Nẵng.
- 01/2009 – 01/2016: Giám đốc Xí nghiệp Xử lý chất thải nguy hại, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 01/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.700 cổ phần, chiếm 0,081% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 4.700 cổ phần, chiếm 0,081% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Nguyễn Thị Bích Thảo	Vợ	1.600	0,028%



4. Ông Đỗ Văn Tài - Kế toán trưởng

Ngày sinh : 30/01/1968
Quê quán : Xã Phú Gia, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : 126/3 Ông Ích Khiêm, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kỹ sư Điện tử - Tin học
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Quá trình công tác

- 09/1992 – 03/1993: Làm cộng tác viên cho Công ty Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Quảng Nam – Đà Nẵng.
- 04/1994 – 05/2002: Làm kế toán viên và phụ trách kế toán chi nhánh tại Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà Quảng Nam – Đà Nẵng.
- 05/2002 – 06/2005: Kế toán viên tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 06/2005 – 06/2010: Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- 07/2010 – nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, sau này là Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ.

Trong đó

+ Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	10/12/2018
2	Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc	-	10/12/2018
3	Phạm Quang Sáng	Thành viên HĐQT	10/12/2018	-
4	Phạm Thanh Phúc	Chủ tịch HĐQT	10/12/2018	-
5	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10/12/2018	-

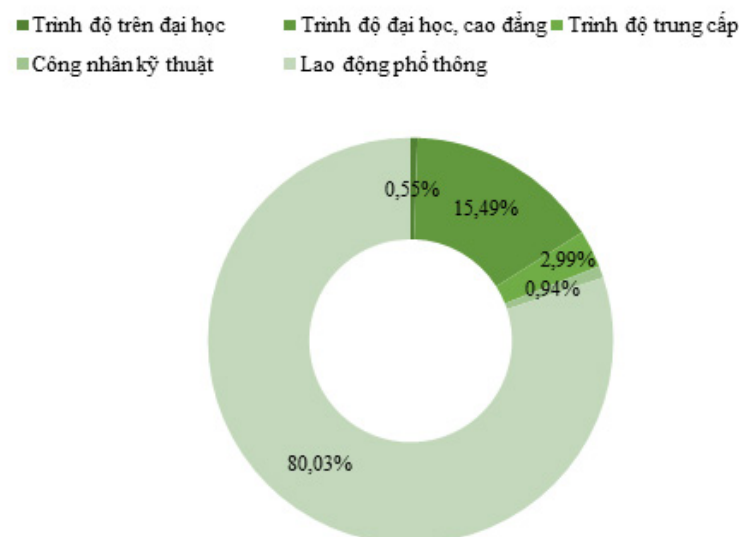


Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	1.272	100,00%
1	Trình độ trên đại học	7	0,55%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	197	15,49%
3	Trình độ trung cấp	38	2,99%
4	Công nhân kỹ thuật	12	0,94%
5	Lao động phổ thông	1.018	80,03%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.272	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1-3 năm)	280	22,01%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	992	77,99%
3	Hợp đồng theo thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
C	Theo giới tính	1.272	100,00%
1	Nam	698	54,87%
2	Nữ	574	45,13%

Theo trình độ: Trong cơ cấu lao động theo trình độ, Công ty chủ yếu là lao động phổ thông chiếm 80,03% số lượng lao động. Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường nên cần số lượng công nhân nhiều và không yêu cầu trình độ cao. Số lượng lao động có trình độ trên đại học là 0,55%, trình độ đại học, cao đẳng là 15,49%, còn lại là lao động trung cấp và công nhân kỹ thuật.

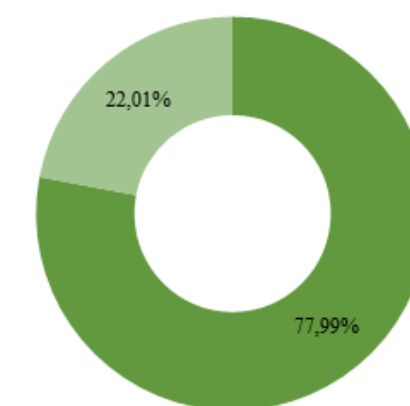
Theo trình độ lao động



Theo tính chất hợp đồng: Công ty hoạt động lâu dài ở địa phương nên đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty. Theo tính chất hợp đồng, Công ty có 77,99% lao động không xác định thời hạn hợp đồng, còn lại là 22,01% lao động có thời hạn hợp đồng từ 1 đến 3 năm. Có thể thấy, Công ty đã ổn định nhân sự bằng cách thực hiện các chính sách hỗ trợ, phúc lợi phù hợp để giữ chân người lao động, thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đảm bảo chất lượng lao động phục vụ hoạt động của Công ty.

Theo tính chất hợp đồng lao động

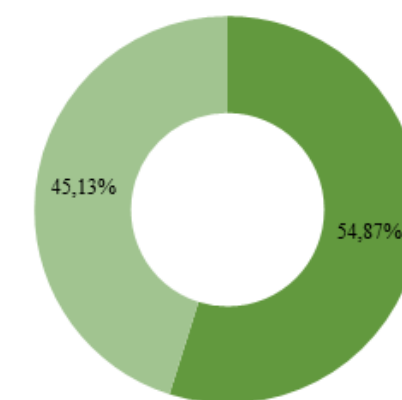
■ Hợp đồng không thời hạn ■ Hợp đồng xác định từ 1-3 năm



Theo giới tính: Trong 1.272 lao động của Công ty, có 698 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 54,87% và 574 lao động là nữ giới chiếm 45,13%. Với đặc điểm ngành môi trường làm việc ngoài trời, điều kiện thời tiết thất thường nên cần nhiều lao động có thể lực tốt do đó lao động nam chiếm ưu thế. Bên cạnh đó, nguồn lao động theo giới tính của Công ty chênh lệch không lớn, đáp ứng nhu cầu linh hoạt về lao động, phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty là thu gom xử lý rác thải, xử lý ô nhiễm và thực hiện công việc bảo vệ môi trường.

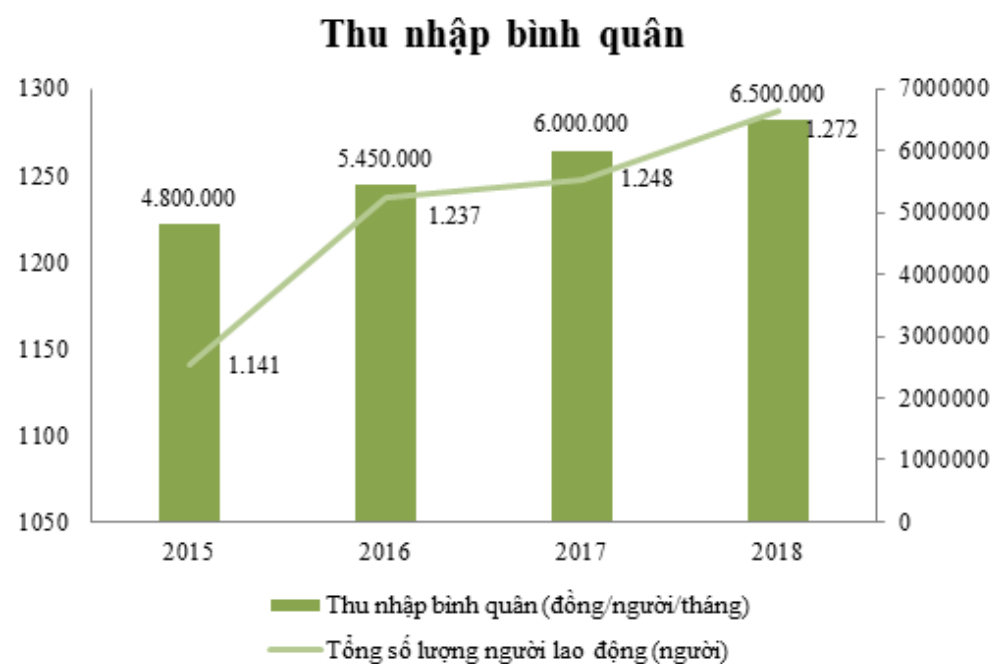
Theo giới tính

■ Nam ■ Nữ



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	1.141	1.237	1.248	1.272
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.800.000	5.450.000	6.000.000	6.500.000



Công ty có số lượng lao động gia tăng qua các năm kể từ năm 2015, trong năm 2018 số lượng người lao động của Công ty tăng từ 1.248 lao động lên 1.272 lao động. Bên cạnh việc gia tăng số lượng lao động để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty, thu nhập bình quân đầu người cũng gia tăng qua mỗi năm, cụ thể năm 2018 thu nhập bình quân đạt 6.500.000 đồng/người/tháng tăng 8,33% so với năm 2017. Công ty luôn chú trọng trong công tác thực hiện tốt các chính sách về người lao động nhằm xây dựng đội ngũ lao động chất lượng, ổn định và gắn bó lâu dài cùng Công ty.

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

- Hàng năm dựa trên nhu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng làm việc của người lao động. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức tập huấn công tác soạn thảo văn bản hành chính, tập huấn về phần mềm quản lý thu và hóa đơn điện tử, tập huấn công tác thu cho nhân viên thu, tập huấn nghiệp vụ cho công nhân theo xe vận chuyển rác.
- Bên cạnh đó, phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm gia tăng chất lượng đào tạo như: Phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng 2 (QUATEST 2) đào tạo về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015; Phối hợp với Liên đoàn Lao động TP Đà Nẵng và Bảo hiểm xã hội TP Đà Nẵng tổ chức tuyên truyền pháp luật năm 2018 liên quan đến lao động, tiền lương, chế độ bảo hiểm. Đội ngũ nhân viên các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa nghiệp vụ, tham dự các buổi hội thảo nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác chuyên môn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2018 đạt 6,5 triệu đồng/người/tháng, tăng so với kế hoạch 101,56%, tăng so với thực hiện năm 2017 là 8,33%.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, khám sức khỏe, bảo hộ lao động cho người lao động.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Hoàn thành công tác quyết toán các công trình xây dựng cơ bản thực hiện cuối năm 2017.
- Trong năm 2018, Công ty gặp nhiều khó khăn, trong đó hạng mục đầu tư xây dựng cũng như mua sắm đến tháng 8 năm 2018 mới được UBND thành phố đồng ý chủ trương cho phép Công ty đầu tư mua sắm (xe ép rác, thùng rác các loại..). Sau đó việc triển khai mua sắm phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất bị tiến độ chậm do thành phố điều động, thay thế nhân sự chủ chốt nên đến cuối tháng 12/2018 Công ty mới tiến hành các thủ tục mua sắm 6 xe rác các loại và 1.200 thùng rác các loại.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	30.852	53.931	74,80%
1	Phải thu khách hàng	21.631	49.204	127,47%
2	Trả trước cho người bán	1.604	456	-71,56%
3	Các khoản phải thu khác	7.613	4.271	-43,90%
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	4		
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	2.703	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	-	2.703	-

Năm 2018, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng từ 30,85 tỷ đồng lên 53,93 tỷ đồng, tương ứng gia tăng 74,80% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chính làm gia tăng các khoản phải thu là do sự gia tăng 127,47% khoản phải thu khách hàng như Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng, UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng, các khách hàng dịch vụ,... đây là những khách hàng thường xuyên và chủ yếu của Công ty. Năm 2018, Công ty giảm khoản mục trả trước cho người bán từ 1,60 tỷ đồng xuống còn 456 triệu đồng, tương ứng giảm 71,56%. Các khoản phải thu khác cũng sụt giảm 43,90% do giảm khoản mục tạm ứng, khoản phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm doanh thu của Kiểm toán Nhà nước và Ban kiểm soát. Cũng trong năm 2018, Công ty có khoản phải thu dài hạn 2,7 tỷ đồng bao gồm khoản phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm doanh thu của Kiểm toán Nhà nước 124 triệu đồng, của Ban kiểm soát 1,87 tỷ đồng và phải thu khác 707 triệu đồng đã giúp làm gia tăng khoản phải thu của Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/2017
I	Nợ ngắn hạn	62.922	75.749	20,39%
1	Phải trả người bán	2.518	4.054	60,99%
2	Người mua trả tiền trước	274	233	-15,26%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.278	5.796	76,84%
4	Phải trả người lao động	5.617	14.408	156,50%
5	Chi phí phải trả	6.127	5.579	-8,94%
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.232	52.159	-0,14%
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.125)	(6.481)	-
II	Nợ dài hạn	-	-	-

Công ty không sử dụng nợ dài hạn, tổng nợ phải trả của Công ty năm 2018 đạt 75,75 tỷ đồng đến từ 100% nợ ngắn hạn, gia tăng 20,39% so với cùng kỳ năm 2017. Nợ phải trả trong năm có các khoản gia tăng lớn trong phải trả người bán tăng 60,99% do Công ty thực hiện mua sắm công cụ dụng cụ, dịch vụ thuê ngoài,... phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn cuối năm 2018; thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 76,84% và khoản phải trả người lao động tăng 156,50% do năm 2018 Công ty hoàn thành kế hoạch được giao của UBND TP Đà Nẵng nên Công ty thực hiện trích quỹ lương theo Thông tư 28/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Bên cạnh đó, một số khoản mục giảm như người mua trả tiền trước giảm 15,26%, chi phí phải trả giảm 8,94%, quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 8,94%, đồng thời Công ty không vay nợ nên đã góp phần làm giảm nợ phải trả của Công ty.

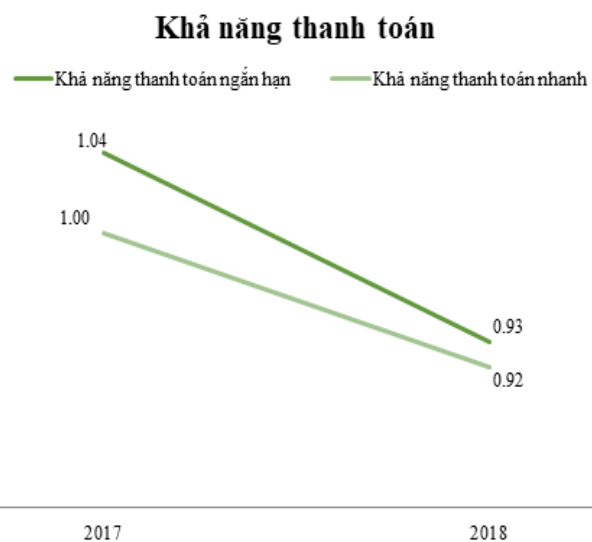
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,04	0,93
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,00	0,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45,28%	51,92%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	82,76%	108,00%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	98,67	113,82
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,40	1,73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,47	3,36
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,29	11,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,84	5,82
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,78	4,38



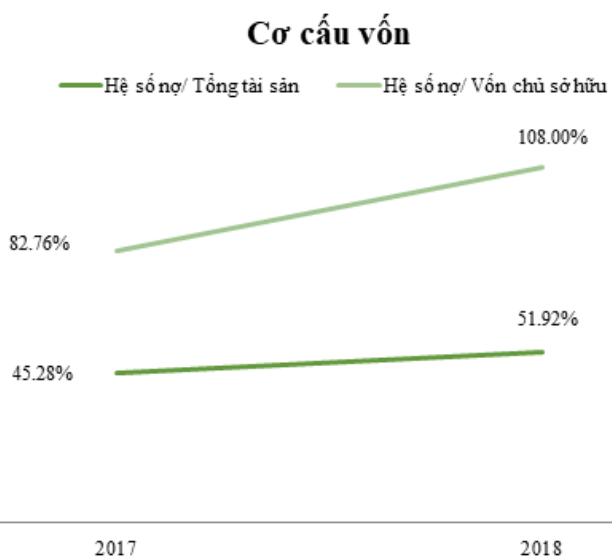
Chỉ số về khả năng thanh toán

Năm 2018, chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty đều giảm so với cùng kỳ năm 2017. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,04 lần xuống còn 0,93 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,00 lần xuống còn 0,92 lần, thể hiện khả năng thanh khoản thấp của Công ty. Nguyên nhân dẫn đến làm giảm thanh khoản của Công ty là sự gia tăng 20,39% trong nợ phải trả mà chủ yếu là khoản phải trả người bán và chi phí phải trả người lao động trong khi tài sản ngắn hạn không gia tăng nhiều. Thêm vào đó, tiền và tương đương tiền trong kỳ giảm mạnh từ 30,49 tỷ đồng xuống còn 14,59 tỷ đồng do Công ty sử dụng phục vụ các hợp đồng ngắn hạn đã làm giảm khả năng thanh khoản của Công ty. Công ty luôn quan tâm theo dõi tình hình các khoản nợ ngắn hạn về nhiên liệu vận chuyển rác, chi phí sửa chữa xe,... đều được Công ty thanh toán đầy đủ trong thời gian ngắn.



Chỉ số về cơ cấu vốn

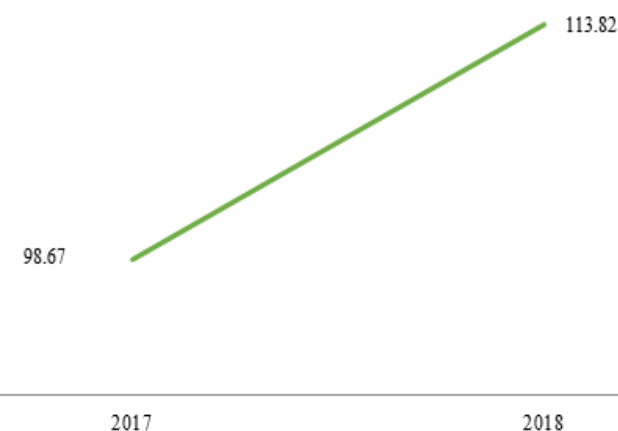
Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm 2018 đều tăng so với cùng kỳ. Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 82,76% lên 108,00% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 45,28% lên 51,92%, nguyên nhân chủ yếu là do gia tăng trong nợ phải trả của Công ty. Công ty không sử dụng nợ dài hạn và không có các khoản vay ngân hàng do trong năm 2018 không có nhiều hoạt động đầu tư, thực hiện dự án nên chủ yếu sử dụng vốn chủ sở hữu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp giảm thiểu được rủi ro về tín dụng và lãi suất vay ngân hàng.



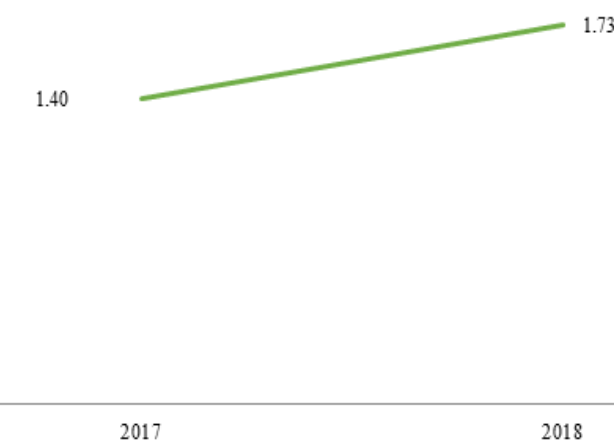
Chỉ số về năng lực hoạt động

Công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường nên hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ phục vụ cho công tác vệ sinh, sửa chữa máy móc, trang thiết bị khi cần. Vòng quay tổng tài sản năm 2018 tăng từ 1,40 vòng lên 1,73 vòng thể hiện Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vòng quay hàng tồn kho



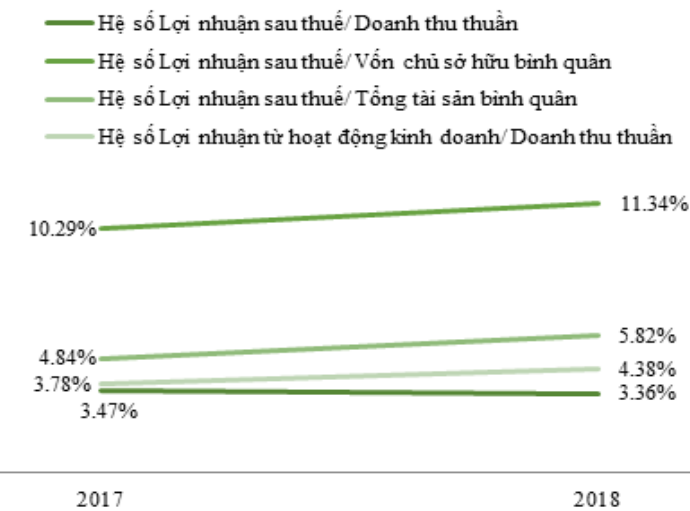
Vòng quay tổng tài sản



Chỉ số về khả năng sinh lời

Sự cải thiện trong doanh thu và lợi nhuận trong năm 2018 giúp gia tăng các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty. Chỉ số ROE tăng từ 10,29% lên 11,34%, chỉ số ROA tăng từ 4,84% lên 5,82% và chỉ số ROS tăng từ 3,78% lên 4,38% nhờ sự gia tăng 12,57% trong lợi nhuận sau thuế trong năm. Chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần có sự sụt giảm tương đối từ 3,47% xuống còn 3,36% do tốc độ gia tăng doanh thu thuần cao hơn tốc độ gia tăng trong lợi nhuận sau thuế.

Khả năng sinh lời





TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.773.600 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.773.600 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 09/04/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	940	5.773.600	57.736.000.000	100,00%
1	Cổ đông nhà nước	1	2.944.536	29.445.360.000	51,00%
2	Cổ đông tổ chức	1	771.987	7.719.870.000	13,37%
3	Cổ đông cá nhân	938	2.057.077	20.570.770.000	35,63%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
	Tổng cộng	940	5.773.600	57.736.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên liệu

Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu theo từng hạng mục, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường. Trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải, nếu phát hiện các đơn vị, cơ sở sản xuất trong địa bàn thành phố vi phạm các quy định về xả rác thải, gây ô nhiễm môi trường kịp thời có thông tin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.

Chính sách liên quan đến người lao động

Bên cạnh các chế độ về tiền lương, thưởng Công ty vẫn thực hiện các chế độ theo quy định khác như: Nộp tiền kinh phí Công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thai sản, tiền bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, tiền trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, tiền hỗ trợ đám tang, hiếu hỷ....

Ngoài ra Công ty còn tổ chức tham quan, du lịch các tỉnh miền Tây; Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhân các ngày lễ lớn: Hội thi chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, Giải bóng đá mini truyền thống Công ty.

- Trao quà cho các cháu thiếu nhi là con của người lao động Công ty có nỗ lực vượt khó đạt thành tích cao trong học tập.
- Tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng hỗ trợ người lao động trong dịp Tết Nguyên Đán. Đồng thời Công ty cũng dành sự quan tâm, chăm lo đặc biệt đến đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động khi chủ động phối hợp với nhiều cá nhân, đơn vị tổ chức tặng quà, người lao động Công ty, đặc biệt là những lao động có hoàn cảnh khó khăn trong thời điểm trước Tết Nguyên Đán. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, khám sức khỏe, bảo hộ lao động cho người lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Hỗ trợ phương tiện, nhân lực phục vụ công tác tổng dọn vệ sinh môi trường hưởng ứng ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn thành phố;
- Hưởng ứng, tham gia cuộc vận động “Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo” do Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phát động. Theo đó, Công ty hỗ trợ cho một địa chỉ nhân đạo với mức tiền là 2 triệu đồng/năm trong vòng 2 năm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài sản

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

Kết quả kinh doanh

Khối lượng rác thu gom thực hiện trong năm 2018 là 386.504 tấn đạt 112,08% so với kế hoạch, bình quân 1 ngày khối lượng rác thu gom là 1.067,7 tấn, tăng so với năm 2017 là 13,00%. Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt là 246,44 tỷ đồng, tăng 104,91% so với kế hoạch đề ra là 234,9 tỷ đồng, tăng 16,05% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận kế toán trước thuế thực hiện năm 2018 đạt là 9,41 tỷ đồng, đạt 104,15% kế hoạch đề ra, tăng so với thực hiện năm 2017 là 13,51%. Thu nhập bình quân người lao động thực hiện năm 2018 đạt 6,5 triệu đồng/người/tháng, tăng 101,56% so với kế hoạch đề ra là 6,4 triệu đồng/người/tháng, tăng so với thực hiện năm 2017 là 8,33%.

Chỉ tiêu chính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện/kế hoạch năm 2018 (%)
Khối lượng rác thu gom (tấn)	334.266	344.850	386.504	112,08
Doanh thu (tỷ đồng)	212,357	234,900	246,436	104,91
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	8,290	9,035	9,41	104,15
Thu nhập bình quân (tr/người/tháng)	6,00	6,4	6,5	101,56

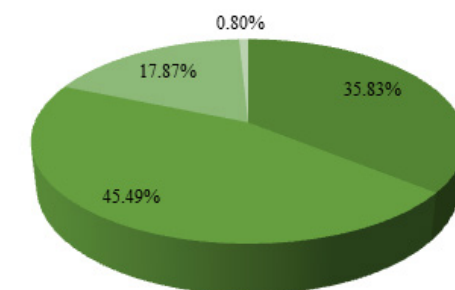


Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

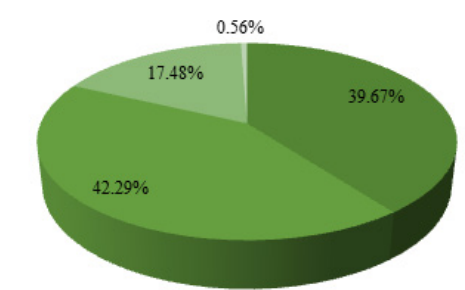
STT	Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		%Tăng, giảm 2018/2017
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	76.097	35,83%	97.759	39,67%	28,47%
2	Doanh thu theo đơn đặt hàng	96.601	45,49%	104.212	42,29%	7,88%
3	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	37.954	17,87%	43.079	17,48%	13,50%
4	Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	1.706	0,80%	1.387	0,56%	-18,70%
Tổng cộng		212.357	100,00%	246.436	100,00%	16,05%

Cơ cấu doanh thu năm 2017



- DT dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- DT theo đơn đặt hàng
- DT hoạt động dịch vụ khác
- DT hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học

Cơ cấu doanh thu năm 2018



- DT dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
- DT theo đơn đặt hàng
- DT hoạt động dịch vụ khác
- DT hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học





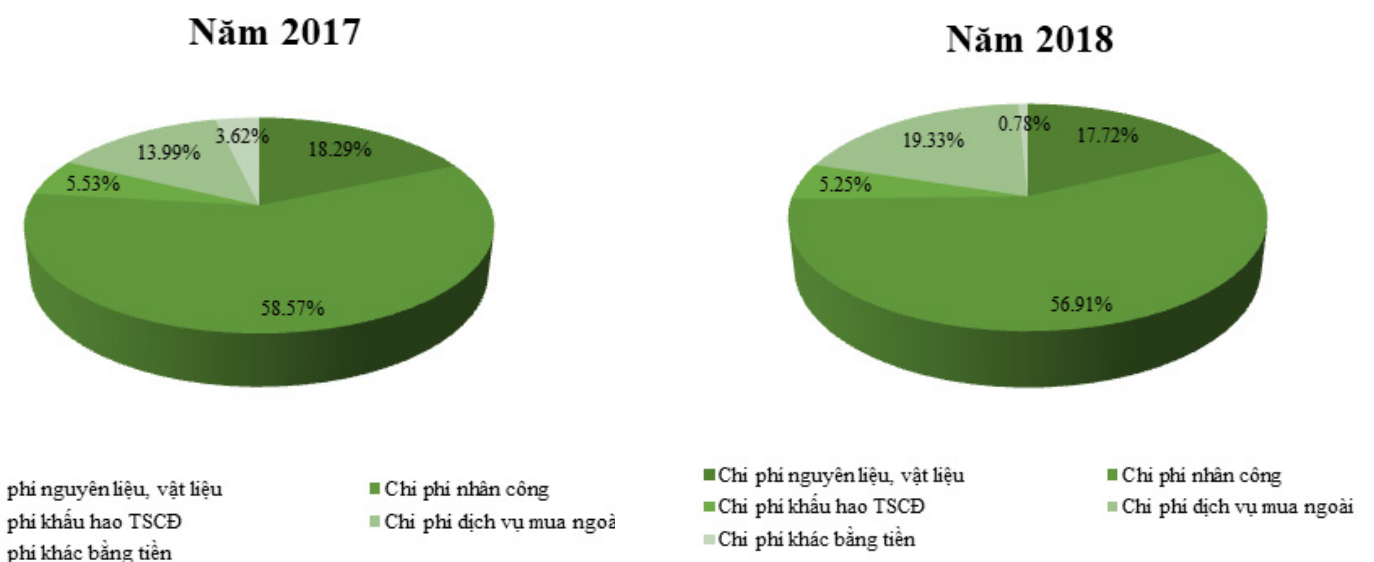
Trong cơ cấu doanh thu, tỷ trọng của các khoản mục doanh thu không có nhiều thay đổi so với năm 2017, doanh thu theo đơn đặt hàng vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 42,29% bao gồm doanh thu từ các đơn đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị của UBND thành phố Đà Nẵng như Dịch vụ vệ sinh đường phố, sông Hàn; Dịch vụ tưới nước rửa đường chống bụi; Vệ sinh nghĩa trang Hòa Sơn; Xử lý nước rỉ rác bãi rác Khánh Sơn,... Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt chiếm tỷ trọng 39,67% bao gồm doanh thu từ hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải từ các hộ gia đình, tổ chức đơn vị kinh doanh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, Công ty còn có doanh thu từ các hoạt động dịch vụ khác chiếm tỷ trọng 117,48% bao gồm dịch vụ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt công nghiệp, rác thải sinh hoạt y tế, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu; Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường; Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Doanh thu hoạt động bán thùng rác và chế phẩm sinh học chiếm tỷ trọng thấp nhất 0,56% trong tổng cơ cấu doanh thu.

Năm 2018, Công ty đã cải thiện được hoạt động sản xuất kinh doanh với sự gia tăng trong ba khoản mục doanh thu, cụ thể doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải tăng 28,47%, doanh thu theo đơn đặt hàng tăng 7,88% và doanh thu hoạt động dịch vụ khác tăng 13,50% so với năm 2017 làm gia tăng lợi nhuận của Công ty. Riêng doanh thu hoạt động bán thùng rác và chế phẩm sinh học giảm 18,70% so với cùng kỳ năm trước nhưng do chiếm tỷ trọng thấp chỉ 0,56% nên không ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu trong năm 2018.

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018	% Tăng/Giảm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.183	41.623	18,29%	17,72%	11,94%
Chi phí nhân công	119.086	133.642	58,57%	56,91%	12,22%
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.249	12.335	5,53%	5,25%	9,65%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.442	45.404	13,99%	19,33%	59,64%
Chi phí khác bằng tiền	7.366	1.825	3,62%	0,78%	-75,22%
Tổng cộng	203.326	234.839	100,00%	100,00%	15,50%



Năm 2018, tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của Công ty đạt 234.839 tỷ đồng tương ứng tăng 15,50% so với cùng kỳ với sự gia tăng trong hầu hết các khoản mục chi phí. Cụ thể chi phí nguyên vật liệu tăng từ 37,18 tỷ đồng lên 41,62 tỷ đồng, tăng 11,94%; chi phí nhân công tăng từ 119,07 tỷ đồng lên 133,64 tỷ đồng tương ứng tăng 12,22%; chi phí khấu hao tăng 9,65% và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 59,64%. Bên cạnh đó chi phí khác bằng tiền giảm từ 7,37 tỷ đồng xuống còn 1,83 tỷ đồng giảm 75,22% so với cùng kỳ năm 2017.

Tuy có sự gia tăng trong hầu hết các chi phí nhưng tốc độ gia tăng doanh thu cao hơn tốc độ gia tăng chi phí nên lợi nhuận của Công ty vẫn ở mức tăng so với năm 2017, lợi nhuận sau thuế đạt 8,28 tỷ đồng tăng 12,57% so với cùng kỳ năm 2017.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

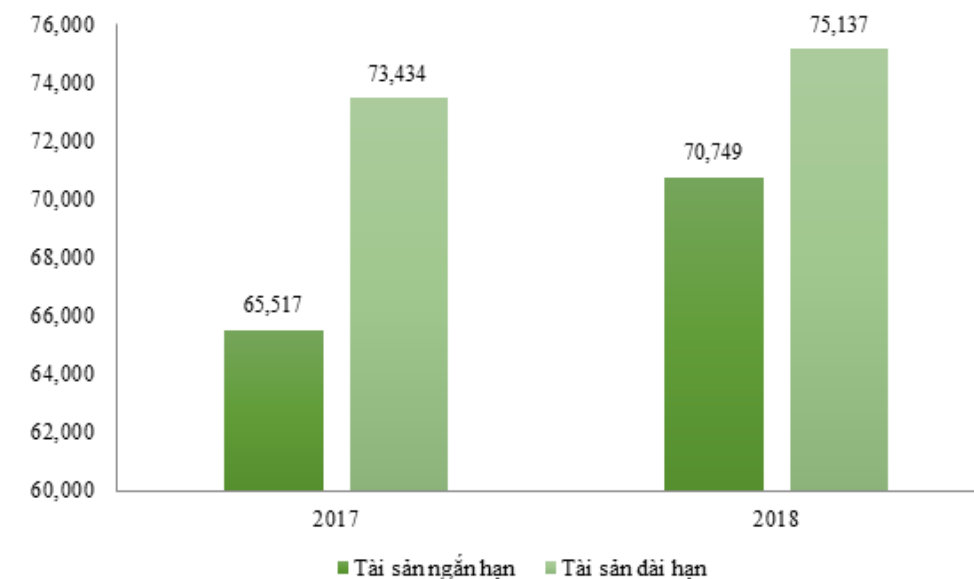
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng,giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	65.517	70.749	7,99%	47,15%	48,50%
Tài sản dài hạn	73.434	75.137	2,32%	52,85%	51,50%
Tổng tài sản	138.951	145.886	4,99%	100%	100%

Năm 2018, tổng tài sản của Công ty đạt 145,89 tỷ đồng gia tăng 4,99% so với cùng kỳ năm 2017, với sự gia tăng trong tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Tài sản ngắn hạn đạt 70,75 tỷ đồng, tương ứng gia tăng 7,99% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng tài sản ngắn hạn của Công ty là do tăng 74,80% các khoản phải thu ngắn hạn, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng tăng 127,47%. Bên cạnh sự gia tăng khoản phải thu, trong năm 2018 tài sản ngắn hạn của Công ty có các khoản bị giảm mạnh, cụ thể tiền và tương đương tiền giảm 52,16%; khoản trả trước người bán giảm 71,56%; các khoản phải thu khác giảm 43,90% do giảm trong khoản tạm ứng, trong khoản phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm doanh thu của Ban kiểm soát; và hàng tồn kho trong năm giảm 61,48% so với cùng kỳ do sụt giảm nguyên liệu, vật liệu

và công cụ, dụng cụ. Mặc dù, với sự sụt giảm của hầu hết các tài sản ngắn hạn nhưng sự gia tăng đáng kể của khoản phải thu đã giúp cải thiện phần nào tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2018. Tuy nhiên, đây cũng là một rủi ro thanh khoản cho Công ty. Tài sản dài hạn trong năm 2018 đạt 75,14 tỷ đồng, tăng 2,32% so với năm 2017. Nhìn chung, tài sản dài hạn trong năm không có nhiều biến động do Công ty có sự điều chỉnh thay thế nhân sự giai đoạn cuối năm 2018 nên chậm trễ trong việc thực hiện mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Sự gia tăng 2,32% trong tài sản dài hạn nguyên nhân là do Công ty có khoản phải thu dài hạn 2,7 tỷ đồng là khoản phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm doanh thu của Kiểm toán Nhà nước và của Ban kiểm soát.

Tình hình tài sản



ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	87.201.924.198	35.726.395.440	40,97%
Máy móc thiết bị	3.162.003.544	995.021.782	31,47%
Phương tiện vận tải	71.879.016.647	25.983.699.612	36,15%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	613.694.008	510.615.216	83,20%
Cộng	162.856.638.397	63.215.732.050	38,82%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
Phần mềm máy tính	123.000.000	19.576.584	15,92%
Cộng	123.000.000	19.576.584	15,92%

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	TH 2018/ TH 2017	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	62.922	75.749	120,39%	100%	100%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng cộng	62.922	75.749	120,39%	100%	100%

Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2018 là 75,75 tỷ đồng đến từ 100% nợ ngắn hạn, Công ty không có nợ dài hạn. Nợ phải trả ngắn hạn tăng 20,39% so với năm 2017 chủ yếu là do tăng trong khoản phải trả người bán 60,99% và phải trả người lao động tăng 156,50% do Công ty thực hiện trích lương theo Văn bản của UBND Thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, khoản người mua trả tiền trước giảm 15,26%, chi phí phải trả giảm 8,94%. Tuy nhiên sự gia tăng đáng kể các khoản phải trả trong năm 2018 đã làm gia tăng nợ phải trả của Công ty.



**NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ**

Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong đó, Công ty đã ban hành Quy chế sửa chữa tài sản thiết bị, phương tiện vận chuyển; Quy định Quản lý đầu tư mua sắm. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và trình UBND thành phố ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 7199/QĐ-UBND ngày 26/12/2017.



Thực hiện điều chỉnh và bổ sung một số định mức kinh tế, kỹ thuật. Cụ thể điều chỉnh định mức nhân công đối với hạng mục theo xe nâng thùng bên đường, theo xe cuốn ép trực tiếp. Thực hiện bổ sung định mức công nhân thực hiện các công việc liên quan đến thu gom rác thải bằng xe 400kg và 800kg.

Triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc Công ty theo hướng đánh giá, sắp xếp lại lao động gián tiếp và sáp nhập các đơn vị trực thuộc. Công ty cũng thực hiện mở rộng Hệ thống quản lý tích hợp môi trường và chất lượng theo TCVN ISO 14001:2015 và TCVN ISO 9001:2015. Phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng 2 Công ty đã từng bước chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung một số quy trình đã có. Đồng thời xây dựng mới một số quy trình thuộc danh mục tài liệu của hệ thống như: Quy trình Lập và quản lý công tác kế hoạch; Quy trình Xác định và tiếp cận các nghĩa vụ tuân thủ; Quy trình Mua hàng; Quy trình Xác định, đánh giá rủi ro; Quy trình Tiếp nhận, giải quyết thông tin phản ánh/khiếu nại và đánh giá sự hài lòng của khách hàng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

Ngoài nhiệm vụ thường xuyên Công ty cần triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tham gia công tác đấu thầu vệ sinh đô thị trên địa bàn các quận huyện và các đơn vị khác, phấn đấu trúng thầu toàn bộ để tiếp tục thực hiện trong năm 2019 đến năm 2021.
- Tiến hành rà soát, xây dựng lại mạng lưới thu gom rác trong khu dân cư đảm bảo đúng giờ, hạn chế rác thải tập kết trên đường phố.
- Tập trung phục tốt công tác vệ sinh tại các sự kiện lễ hội được tổ chức trên địa bàn thành phố trong năm, đặc biệt là Mừng Đảng đón xuân Kỷ Hợi 2019 và sự kiện lễ hội trình diễn pháo hoa quốc tế hàng năm.
- Duy trì và đảm bảo tốt an ninh môi trường bãi rác Khánh Sơn thuộc Công ty đảm nhận quản lý vận hành.

Một số chỉ tiêu cơ bản

Khối lượng

- Khối lượng rác thải dự kiến thu gom vận chuyển xử lý dự kiến tăng khoảng hơn 8% so với năm 2018 tương ứng khối lượng 417.450 tấn/năm, bình quân 1.150 tấn/ngày.
- Khối lượng vệ sinh đường phố thực hiện theo hợp đồng với các chủ đầu tư quận huyện (nếu đơn vị trúng thầu) và công tác xử lý rác tại bãi Khánh Sơn ký hợp đồng đặt hàng với Sở Tài nguyên Môi trường thành phố.

Tài chính

- Dự kiến doanh thu toàn Công ty năm 2019: 261.08 tỷ đồng; trong đó:
 - + Vệ sinh đô thị (dự kiến trúng thầu): 113.692 tỷ đồng
 - + Thu tiền rác: 99.575 tỷ đồng
 - + Kinh doanh dịch vụ: 46.710 tỷ đồng
 - + Thu khác ngoài kế hoạch: 1.103 tỷ đồng
- Dự kiến lợi nhuận kế hoạch trước thuế 9.38 tỷ đồng.
- Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu đạt 10,6 %.
- Dự kiến thu nhập bình quân: 6,8 triệu đồng/người/tháng.

Ghi chú: Các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên chỉ là dự kiến trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ được điều chỉnh sau khi có kết quả trúng thầu thực hiện vệ sinh đô thị trên địa bàn các quận huyện

Kế hoạch đầu tư mua sắm xây dựng cơ bản năm 2019

Đầu tư mua sắm phương tiện, công cụ phục vụ sản xuất

a. Mua sắm Tài sản cố định

- Trước mắt cần phải mua bổ sung xe để đảm bảo vận chuyển khối lượng rác thu gom dự kiến tăng trung bình năm 2019 so với năm 2018 là 8% tương ứng tăng 83 tấn/ngày. Do đó cần mua 03 xe loại nhỏ hơn 6,5 tấn (tương ứng mỗi xe thu gom vận chuyển trung bình 4 chuyến/ngày).
- Riêng tình hình đáp ứng yêu cầu đấu thầu công tác vệ sinh các quận, huyện Công ty sẽ đề xuất bổ sung kế hoạch đầu tư mua sắm phương tiện cụ thể từng đợt khi có nhu cầu nhằm đảm bảo chủng loại phương tiện thực hiện đúng yêu cầu gói thầu mà Công ty cam kết với Chủ đầu tư.
- Mua sắm tối thiểu 03 xe quét đường loại thể tích thùng nhỏ hơn 2m³ (nhập khẩu từ Châu Âu) để thực hiện việc quét đường phố bằng cơ giới theo yêu cầu của chủ đầu tư quận huyện, cũng như hiện tại Công ty đang tổ chức quét rác đường phố những cung đường, cầu vượt, hầm dẫn, các ốc đảo giao thông bằng thủ công rất nguy hiểm đến tính mạng của người lao động. Đồng thời tại một số vị trí có vỉa hè, khuôn viên cần thực hiện quét bằng cơ giới nhưng hiện tại Công ty có 01 xe quét với tải trọng quá lớn và cũng không phù hợp để thực hiện các vị trí thực hiện như đã nêu.
- Mua sắm 20 nhà vệ sinh di động để phục vụ các lễ hội do thành phố tổ chức cũng như lễ hội trình diễn pháo hoa quốc tế trong tháng 6/2019.

b. Mua sắm Công cụ dụng cụ

- Thùng 660 lít: 369 thùng
- Thùng 240 lít: 1.237 thùng

Đầu tư xây dựng cơ bản

- Nâng cấp sửa chữa văn phòng làm việc Công ty, xây dựng mới Văn phòng làm việc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê dự kiến 2,5 tỷ đồng;
- Nâng cấp cải tạo cầu rửa xe và một số hạng mục tại bãi rác tại bãi rác, dự kiến kinh phí khoảng 1,5 tỷ đồng;
- Phủ bạt HDPE tại các học rác số 3,4 và 5, dự kiến kinh phí 14,0 tỷ đồng

Nguồn vốn thực hiện

Mua sắm phương tiện, công cụ dụng cụ

- Đối với việc mua xe vận chuyển rác, xe quét đường phố Công ty vay ngân hàng bằng hình thức tín chấp trả lãi theo niên hạn thời gian.
- Đối với việc mua sắm công cụ dụng cụ (thùng rác) Công ty sử dụng nguồn vốn hiện có và tính vào giá thành phân bổ chi phí.

Đầu tư xây dựng cơ bản

- Đối với kế hoạch nâng cấp sửa chữa văn phòng làm việc Công ty, xây dựng mới Văn phòng làm việc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê và nâng cấp cải tạo cầu rửa xe và một số hạng mục tại bãi rác sử dụng nguồn vốn công ty nếu có hoặc vay tín chấp ngân hàng thực hiện.
- Đối với kế hoạch phủ bạt HDPE tại các hộc rác số 3,4 và 5, tạm ứng nguồn tài chính thành phố cho Công ty mượn để thực hiện và được tính phân bổ trả dần vào khối lượng xử lý rác hàng năm.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc
Kiến nghị và đề xuất





ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2018

Năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt sự gia tăng trong cả doanh thu và lợi nhuận, đem đến tín hiệu tích cực cho Công ty trong giai đoạn đầu sau khi cổ phần hóa. Doanh thu thuần đạt 246,44 tỷ đồng tăng 16,05%; lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 9,41 tỷ đồng và 8,28 tỷ đồng tương ứng tăng 13,47% và 12,57% so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn trong năm cũng tăng 74,80% cao hơn tốc độ tăng các khoản nợ phải trả là 20,39%, giúp cải thiện tình hình tài chính của Công ty trong năm 2018.

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành luôn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông cũng như HĐQT để nắm bắt tình hình và đề xuất kịp thời biện pháp xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thuận lợi

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ thu gom rác trong dân, cơ sở kinh doanh dịch vụ năm 2018 tăng so với kế hoạch đề ra: 7,55 tỷ đồng;
- Ngoài ra, các kinh phí như: đặt hàng của nhà nước trong năm 2018 cao hơn so với kế hoạch đề ra: 530 triệu đồng; giá nhiên liệu động lực giảm và ổn định nên chi phí nhiên liệu động lực giảm so với kế hoạch đề ra: 600 triệu đồng... đã góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Khó khăn

- Trong năm 2018, kinh phí sửa chữa tài sản cố định (phương tiện vận tải) vượt so với kế hoạch đề ra khoảng 2 tỷ đồng;
- Từ quý II năm 2018, kinh phí vệ sinh đô thị (quét, duy trì vệ sinh,...) bàn giao cho quận, huyện nên trong giai đoạn đầu Công ty gặp khó khăn về kinh phí để chi trả lương cho công nhân lao động, cũng như các khoản chi phục vụ hoạt động phát sinh thường xuyên.



Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư, mua sắm và sửa chữa tài sản

- Công ty triển khai các thủ tục mua sắm 4 xe ô tô ép rác loại 6,5 tấn/xe, 02 xe ô tô chở bùn 4 m³/xe và mua sắm 500 thùng rác loại 240 lít; 500 thùng rác loại 660 lít và 200 xe thu gom đẩy tay 660 lít. Hoàn thành trong tháng 01 năm 2019, trừ 100 xe thu gom đẩy tay 660 lít;
- Hoàn thành nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và triển khai thực hiện nâng cấp hệ thống xử lý của khu xử lý chất thải nguy hại;
- Trong năm 2018, Công ty gần như không triển khai các dự án đầu tư mua sắm hay xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị.





Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả

Công tác quản lý nợ phải thu và nợ phải trả đang dần dần được quản lý chặt đúng theo quy định.

- Các khoản nợ phải thu: Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng như: thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với hộ dân, doanh nghiệp; hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại;...
- Các khoản nợ phải trả: các khoản nợ về mua công cụ dụng cụ, nguyên nhiên liệu, sửa chữa... đều được Công ty thanh toán.

Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả

- Tại thời điểm ngày 01/01/2018, vốn điều lệ: 57.736 triệu đồng, trong đó vốn Nhà nước: 29.445,36 triệu đồng nắm giữ chiếm 51%.
- Đến thời điểm ngày 31/12/2018, vốn Nhà nước vẫn không thay đổi. Công ty đã quản lý sử dụng và bảo toàn tốt vốn Nhà nước.

Tình hình thực hiện các khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp

Về thu lợi nhuận và cổ tức được chia, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2016 và năm 2017. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 381/NQ-HĐQT ngày 26/6/2018 về việc chi trả cổ tức năm 2016, 2017; thời gian nhận cổ tức bắt đầu từ ngày 15/8/2018; số lợi nhuận, cổ tức được chia đối với phần vốn Nhà nước là 5,3 tỷ đồng.

Tình hình và khả năng thanh toán nợ

Các khoản nợ về nhiên liệu vận chuyển rác, chi phí sửa chữa xe... đều được Công ty thanh toán đầy đủ trong thời gian ngắn.

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước

Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước, đóng thuế đầy đủ và đúng thời gian quy định.

Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, tình hình thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao

Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT

- Hoàn thành và đang triển khai các nội dung theo Nghị quyết HĐQT như: triển khai thường cho người lao động: Tết dương lịch 400.000 đồng/người, Tết Âm lịch 5.000.000 đồng/người; thực hiện Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 12 năm 2018; xem xét trách nhiệm cá nhân và tổ chức liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường của UBND thành phố tại Quyết định số 4873/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2018; triển khai các thủ tục mua sắm 04 xe ép rác 5 tấn/xe, 02 xe ô tô chở bùn 4 m³/xe và mua sắm 500 thùng rác loại 240 lít; 500 thùng rác loại 660 lít và 200 xe thu gom đẩy tay 660 lít; rà soát điều chỉnh ban hành quy chế nội bộ của Công ty như: sửa chữa tài sản, phương tiện, quy định quản lý đầu tư mua sắm, nội quy lao động,...triển khai xử lý vướng mắc hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Núi Thành, Công ty Cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh để tiến tới thanh lý hợp đồng; Rà soát điều chỉnh số liệu kế toán để xác định giá trị Doanh nghiệp lần 2 để phục vụ công tác bàn giao giữa công ty cũ (TNHH MTV) và Công ty cổ phần; Kế hoạch phục vụ Tết Âm lịch Kỳ Hối năm 2019; Dự thảo kế hoạch kinh doanh năm 2018; báo cáo UBND thành phố về phương án tái cơ cấu Công ty; Triển khai các thủ tục để xin gia hạn Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; thu nhập bình quân người lao động khoảng 6,5 triệu đồng/người/tháng vượt yêu cầu của nghị quyết,...
- Các công việc chính chưa hoàn thành
 - + Về xây dựng cơ bản: chưa hoàn thành lập hồ sơ thiết kế, dự toán các công trình: Nhà làm việc Thanh Khê; nâng cấp Xưởng sửa chữa cơ giới thiết bị; sửa chữa Văn phòng Công ty;
 - + Chưa thực hiện thanh lý đối với các phương tiện có thời hạn đăng kiểm 03 /tháng;
 - + Chưa đạt tỷ lệ thu gom rác bằng cơ giới trên 50% tổng lượng rác thải thu gom trên địa bàn toàn thành phố;
 - + Chưa thực hiện tái cơ cấu Công ty theo tinh thần chỉ đạo của UBND thành phố đồng thời tiếp tục lộ trình tinh giảm lao động gián tiếp, sắp xếp lại bộ máy đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, tình hình thực hiện nhiệm vụ được UBND thành phố giao

Tình hình thực hiện nhiệm vụ được UBND Thành phố giao

- Thực hiện tốt phục vụ vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố trong dịp Tết Âm lịch Mậu Tuất năm 2018 và cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế Đà Nẵng năm 2018 từ 30/4-30/6/2018;
- Phối hợp với UBND quận, huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thực hiện Kế hoạch số 1131/KH-UBND ngày 12/02/2018 và Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 ban hành quy định về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố;
- Hoàn thành phương án thu gom rác thải trên địa bàn 06 quận và được UBND các quận phê duyệt để triển khai thực hiện;
- Tổ chức đấu thầu rộng rãi, cung cấp nhiên liệu cho hoạt động của Công ty;
- Tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường để miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị vào ngày 10 tháng 12 năm 2018;
- Triển khai tổng dọn vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố khắc phục sự cố sau ngày mưa 09-10/12/2018 theo Công văn số 9629/UBND-STNMT ngày 11/12/2018;
- Triển khai phục vụ dọn vệ sinh môi trường khu vực cầu Nguyễn Văn Trỗi phục vụ bắn pháo Tết dương lịch 2019;
- Triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại bãi rác Khánh Sơn theo Thông báo số 221/TB-VP ngày 2/10/2018 về Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp xử lý môi trường tại khu vực bãi rác Khánh Sơn như: lắp đặt camera tại các điểm trên bãi rác để thực hiện việc giám sát; điều chỉnh quy trình phủ đất với tần suất 2 ngày/lần để thu hẹp phạm vi đổ thải còn khoảng 2.000m²; tăng cường phun chế phẩm sinh học xử lý mùi hôi lên 6 lần/ngày; điều chỉnh vị trí thuận lợi để tập kết đất phủ dự phòng nhằm chủ động trong công tác phủ đất; tách biệt bùn thải khỏi rác thải sinh hoạt, tập trung về khu vực phía Tây của học rác số 5 và đã được xử lý trong ngày;...
- Đẩy nhanh tiến độ sửa chữa, bảo dưỡng xe và mua mới thêm 04 xe ép rác phục vụ Tết Âm lịch Kỳ Hối 2019;
- Rà soát, triển khai mua sắm phương tiện phục vụ vận chuyển rác, lập hồ sơ phục vụ cho công tác đấu thầu năm 2019.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát chủ yếu như sau đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Theo dõi, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách nghiêm túc theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn đã quy định.
- Giám sát và theo dõi tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm, xây dựng cơ bản trong năm đã đề ra; Chỉ đạo ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động năm 2018, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 để trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua theo các quy định.
- Giám sát việc điều hành quản lý Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ Công ty do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã ban hành.
- Giám sát thực hiện việc lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giám sát việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của chủ sở hữu phần vốn nhà nước (Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng) đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

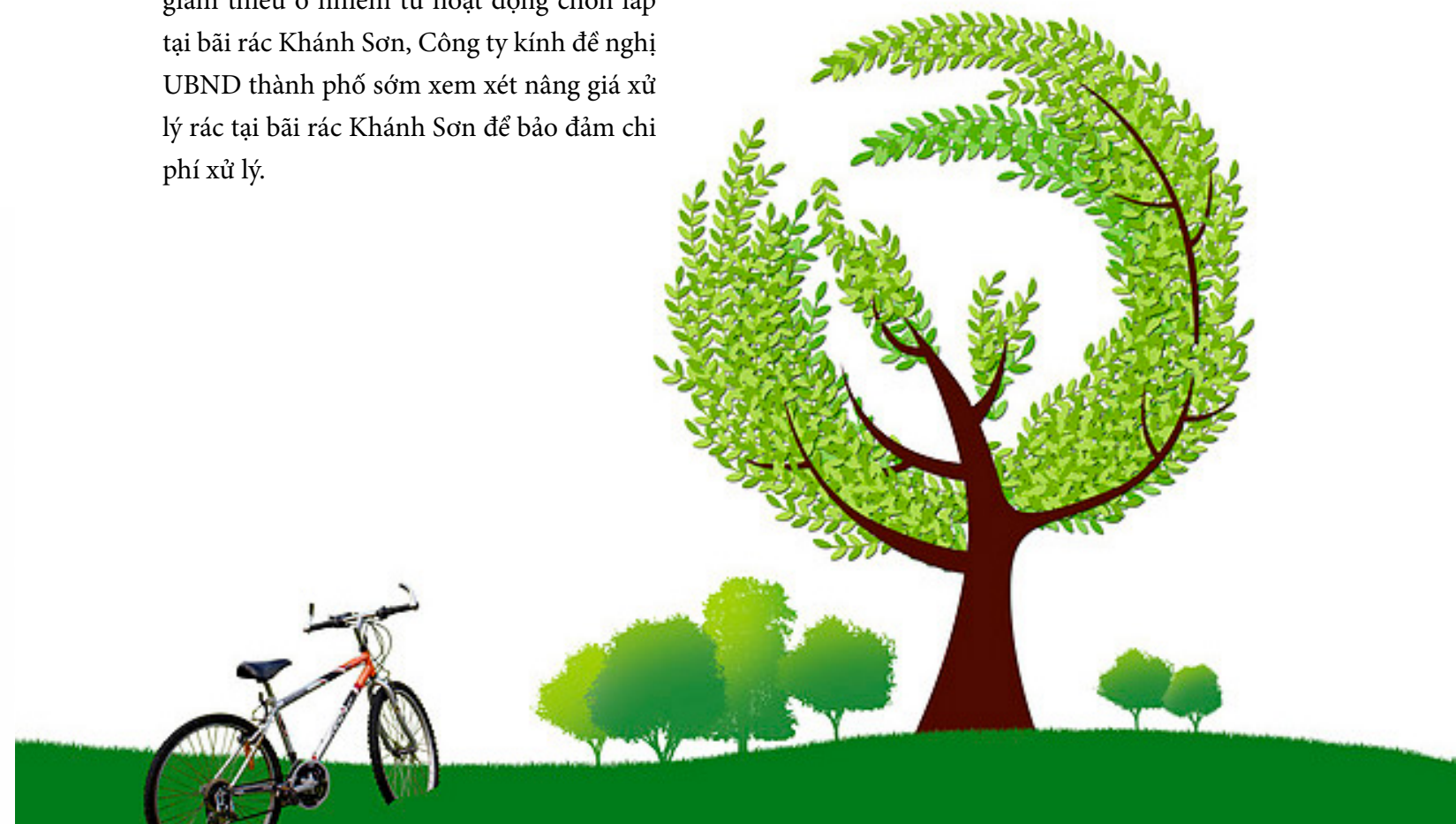


ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Về hoạt động vệ sinh môi trường đô thị:

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chỉ có bãi rác Khánh Sơn là nơi tiếp nhận, xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố. Với quy mô tiếp nhận và xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn trong thời gian qua trung bình hơn 1.000 tấn/ngày đêm thì nguy cơ phát sinh ô nhiễm cao, nhất là khi: chiều cao lớp rác chôn lấp đã hơn 35 m, lượng nước rỉ rác đã vượt quá công suất hệ thống xử lý nước rỉ rác mới (700 m³/ngày đêm), chưa thực hiện được việc cấm người dân vào nhặt rác, chưa thực hiện phủ bạt nhựa HDPE,... Ngoài trách nhiệm Công ty là phải nâng cao năng lực trong việc vận hành, tăng cường các biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động chôn lấp tại bãi rác Khánh Sơn, Công ty kính đề nghị UBND thành phố sớm xem xét nâng giá xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn để bảo đảm chi phí xử lý.

Từ khi chuyển sang Công ty cổ phần đến nay chưa hoàn thành công tác bàn giao giữa Công ty TNHH MTV và Công ty cổ phần nên chưa xác định được việc tăng, giảm trong vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm chuyển sang chính thức Công ty cổ phần (xác định giá trị doanh nghiệp lần 2). Do vậy, kính đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND thành phố chỉ đạo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng khẩn trương hoàn thành hồ sơ phê duyệt giá trị doanh nghiệp lần 2, trình UBND thành phố phê duyệt.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018

Ý kiến kiểm toán viên
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2018: 57.736.000.000 đồng

Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty có 13 đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê (hợp nhất giữa Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1 và Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2 kể từ ngày 05/04/2018);
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu (hợp nhất giữa Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1 và Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2 kể từ ngày 05/04/2018);
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư & Phát triển Kỹ nghệ Môi trường.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, VN
- Điện thoại: (84) 0236.3622007
- Fax : (84) 0236.3642423
- Website: moitruongdothidanang.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2018 là 1.235 người. Trong đó viên chức quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Hùng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 10/12/2018 |
| • Ông Phạm Thanh Phúc | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 10/12/2018 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Đặng Đức Vũ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015
Miễn nhiệm ngày 10/12/2018 |
| • Ông Võ Minh Đức | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Ông Phạm Trung Thành | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Ông Phạm Quang Sáng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/12/2018 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Trương Thị Minh Huệ | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Bà Võ Thị Huỳnh Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |
| • Bà Đặng Thị Mỹ Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01/10/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--|
| • Ông Đặng Đức Vũ | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/10/2015
Miễn nhiệm ngày 10/12/2018 |
| • Ông Võ Minh Đức | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/12/2018 |
| • Ông Phạm Quang Sáng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/01/2016 |
| • Ông Trần Văn Tiên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25/01/2016 |
| • Ông Đỗ Văn Tài | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 02/10/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Võ Minh Đức

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2019



GIỚI THIỆU KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 631/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2019 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại mục (ii) của Thuyết minh 8, chi phí chung, chi phí hành chính, quản lý phát sinh năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước hiện đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục "Phải thu khác" với số tiền 667.992.388 đồng nhưng chưa xác định được cụ thể đối tượng thu hồi. Việc ghi nhận khoản phải thu nhưng không có đối tượng nợ cụ thể là không phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của khoản phải thu nêu trên.

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

- Theo quy định tại Quy chế trả lương của Công ty, thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương là Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, quỹ tiền lương năm 2018 đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính đính kèm là 106.210.740.946 đồng (xem tại Thuyết minh 16) chưa được Hội đồng Quản trị thông qua. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của tổng chi phí tiền lương đã phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm 2018 với số tiền nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 "Thông tin liên quan đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp", Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc bàn giao vốn và tài sản cũng như các số liệu kế toán khác giữa Công ty Nhà nước và Công ty Cổ phần vẫn chưa được thực hiện. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo số liệu chính thức bàn giao.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 19, số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty có giá trị âm (Tại thời điểm 31/12/2018 âm 6.481.394.411 đồng, 01/01/2018 âm 7.059.694.991 đồng). Việc chi các quỹ vượt quá nguồn hiện có là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 25 ngày 21/05/2018, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Huỳnh Thu Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2298-2018-010-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.748.821.218	65.516.596.858
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.587.537.359	30.490.488.304
1. Tiền	111		14.587.537.359	30.490.488.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.931.039.460	30.852.354.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	49.203.677.066	21.631.149.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	456.214.100	1.604.389.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	4.271.148.294	7.612.815.948
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	3.999.000
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.090.454.018	2.831.058.495
1. Hàng tồn kho	141		1.090.454.018	2.831.058.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.139.790.381	1.342.695.933
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	1.139.790.381	1.332.014.243
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	10.681.690
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.137.030.066	73.434.225.509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.703.429.948	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.703.429.948	-
II. Tài sản cố định	220		63.235.308.634	64.120.292.803
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	63.215.732.050	64.088.990.570
- Nguyên giá	222		162.856.638.397	151.406.180.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.640.906.347)	(87.317.189.638)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.576.584	31.302.233
- Nguyên giá	228		123.000.000	123.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.423.416)	(91.697.767)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		181.667.189	266.104.345
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	181.667.189	266.104.345
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.016.624.295	9.047.828.361
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	9.016.624.295	9.047.828.361
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.885.851.284	138.950.822.367

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		75.748.572.719	62.921.713.039
I. Nợ ngắn hạn	310		75.748.572.719	62.921.713.039
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.054.211.720	2.518.255.032
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		232.540.000	274.405.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.796.477.474	3.277.853.378
4. Phải trả người lao động	314	16	14.408.251.302	5.617.259.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.579.475.764	6.127.139.645
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	52.159.010.870	52.231.750.990
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	(6.481.394.411)	(7.124.951.095)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.137.278.565	76.029.109.328
I. Vốn chủ sở hữu	410		69.613.678.565	75.647.209.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	111.896.964	111.896.964
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	3.481.335.556	309.406.487
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	-	154.703.244
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	8.284.446.045	17.335.202.633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	9.975.510.328
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.284.446.045	7.359.692.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		523.600.000	381.900.000
1. Nguồn kinh phí	431	21	523.600.000	381.900.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.885.851.284	138.950.822.367

Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tài

Người lập biểu

Võ Thị Mận

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	246.436.309.611	212.356.946.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		246.436.309.611	212.356.946.515
4. Giá vốn hàng bán	11	24	223.180.088.140	193.811.351.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		23.256.221.471	18.545.595.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	124.294.113	88.860.570
7. Chi phí tài chính	22	26	52.301.750	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		52.301.750	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	33.731.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	12.540.015.303	10.581.975.744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.788.198.531	8.018.748.895
11. Thu nhập khác	31	28	13.359.092	613.596.267
12. Chi phí khác	32	29	1.394.977.078	342.361.844
13. Lợi nhuận khác	40		(1.381.617.986)	271.234.423
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.406.580.545	8.289.983.318
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.122.134.500	930.291.013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.284.446.045	7.359.692.305
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.435	599
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.435	599

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu


Võ Minh Đức
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019


Đỗ Văn Tài


Võ Thị Mận

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.406.580.545	8.289.983.318
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11, 12	12.335.442.358	11.249.081.652
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(124.294.113)	(247.517.024)
- Chi phí lãi vay	06	26	52.301.750	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		21.670.030.540	19.291.547.946
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.771.433.592)	2.719.757.131
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.740.604.477	(1.733.526.037)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.197.716.945	(13.771.274.669)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		223.427.928	(1.496.877.507)
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(52.301.750)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(1.402.955.437)	(989.369.890)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.210.200.000	2.044.447.620
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.424.592.276)	(23.035.078.080)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.390.696.835	(16.970.373.486)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(11.366.021.033)	(5.628.114.737)
2. Tiền thu từ TLy, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	311.631.324
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	124.294.113	88.860.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.241.726.920)	(5.227.622.843)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ di vay	33		2.495.442.900	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.495.442.900)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18,20	(10.051.920.860)	(456.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.051.920.860)	(456.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.902.950.945)	(22.198.452.329)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	30.490.488.304	52.688.940.633
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.587.537.359	30.490.488.304

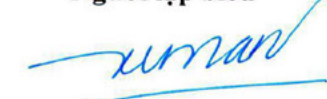
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu


Võ Minh Đức
Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019


Đỗ Văn Tài


Võ Thị Mận

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 điều chỉnh lần 2 ngày 01/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/12/2018. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã thực hiện đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05/04/2017 với mã chứng khoán là DNE.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Tái chế phế liệu. Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác. Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng; Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 13 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số, gồm:

- Xí nghiệp Môi trường Sông Biển;
- Xí nghiệp Môi trường Hòa Vang;
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu;
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ;
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn;
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà;
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê (hợp nhất giữa Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1 và Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2 kể từ ngày 05/04/2018);
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu (hợp nhất giữa Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1 và Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2 kể từ ngày 05/04/2018);
- Xí nghiệp Quản lý Bãi & Xử lý chất thải;
- Xí nghiệp Sửa chữa;
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường;
- Xí nghiệp Vận chuyển;
- Trung tâm Tư vấn ĐT&PT Kỹ nghệ Môi trường.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 35
Máy móc, thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 9

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	8

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.9 Vốn chủ sở hữu****Vốn góp**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.13 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.14 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - Hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: áp dụng mức thuế suất 10%.
 - Các hoạt động kinh doanh khác: áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Hoạt động kinh doanh xã hội hóa: áp dụng mức thuế suất 10%.
 - Các hoạt động kinh doanh khác: áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	107.070.394	94.536.870
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.480.466.965	30.395.951.434
Cộng	14.587.537.359	30.490.488.304

Trong đó, tài khoản tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – Chi nhánh Đà Nẵng có số dư 2.455.588.343 đồng là tài khoản để thu tiền từ cổ phần hóa đã được phong tỏa.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Sở Tài nguyên Môi trường TP Đà Nẵng	6.978.868.000	10.491.820.000
Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà	-	5.749.237.000
UBND các Quận, Huyện TP Đà Nẵng	33.191.606.600	-
Sở Du Lịch Thành Phố Đà Nẵng	1.689.169.655	-
Các khách hàng dịch vụ	6.630.532.011	4.988.798.678
Các khách hàng công ích	713.500.800	401.294.000
Cộng	49.203.677.066	21.631.149.678

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Xây dựng Hân Lộc	92.524.600	1.023.000.000
Công ty TNHH Trọng Toàn	-	332.700.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường THALIMA	114.000.000	114.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Star Tech	115.000.000	-
Các đối tượng khác	134.689.500	134.689.500
Cộng	456.214.100	1.604.389.500

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.848.390.805	-	3.164.058.127	-
Phải thu BHXH	7.580.298	-	2.012.500	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của KTNN (i)	346.578.780	-	687.025.861	-
	667.992.388	-	667.992.388	-
Chi phí treo lại liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của KTNN (ii)				
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của BKS (i)	508.487.448	-	2.545.739.295	-
Tiền phạt thuế (iii)	480.175.050	-	480.175.050	-
Phải thu khác	411.943.525	-	65.812.727	-
Cộng	4.271.148.294	-	7.612.815.948	-

b. Dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của KTNN (i)	124.085.307	-	-	-
Phải thu liên quan đến khoản điều chỉnh giảm DT của BKS (i)	1.872.587.403	-	-	-
Phải thu khác	706.757.238	-	-	-
Cộng	2.703.429.948	-	-	-

i) Là khoản phải thu các cá nhân có liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán năm 2016 tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và các khoản chi phí khoán dịch vụ năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng bị giảm trừ theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát.

(ii) Là khoản chi phí chung, chi phí hành chính, quản lý toàn Công ty phát sinh năm 2016 bị xuất toán tương ứng khối lượng, đơn giá, định mức bị giảm trừ theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước chưa xác định được đối tượng thu hồi.

(iii) Là khoản phạt thuế do thanh, kiểm tra thuế trong giai đoạn từ sau ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2015), số liệu này sẽ điều chỉnh khi có số liệu bàn giao chính thức từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	363.397.291	-	709.498.113	-
Công cụ, dụng cụ	727.056.727	-	2.121.560.382	-
Cộng	1.090.454.018	-	2.831.058.495	-

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.111.826.743	1.296.158.425
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê nhà đất	27.963.638	35.855.818
Cộng	1.139.790.381	1.332.014.243

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí sửa chữa	6.052.359.448	6.910.526.287
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.067.117.698	1.615.756.275
Các khoản khác	897.147.149	521.545.799
Cộng	9.016.624.295	9.047.828.361

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.378.077.016	2.982.003.544	63.952.950.285	93.149.363	151.406.180.208
Mua sắm trong năm	2.823.847.182	180.000.000	7.926.066.362	520.544.645	11.450.458.189
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	87.201.924.198	3.162.003.544	71.879.016.647	613.694.008	162.856.638.397
Khấu hao					
Số đầu năm	46.397.976.258	1.762.908.243	39.112.338.956	43.966.181	87.317.189.638
Khấu hao trong năm	5.077.552.500	404.073.519	6.782.978.079	59.112.611	12.323.716.709
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	51.475.528.758	2.166.981.762	45.895.317.035	103.078.792	99.640.906.347
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.980.100.758	1.219.095.301	24.840.611.329	49.183.182	64.088.990.570
Số cuối năm	35.726.395.440	995.021.782	25.983.699.612	510.615.216	63.215.732.050

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 3.533.291.001 đồng.

(*) Trong danh mục Nhà cửa, vật kiến trúc, có "Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải – Công trình: Đóng cửa Bãi rác Khánh Sơn (NS)" là tài sản thuộc danh mục tài sản giữ hộ Nhà nước với nguyên giá là 4.383.235.000 đồng và hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2018 là 533.613.174 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh khi có số liệu bàn giao chính thức từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	123.000.000	123.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	91.697.767	91.697.767
Khấu hao trong năm	11.725.649	11.725.649
Số cuối năm	103.423.416	103.423.416
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	31.302.233	31.302.233
Số cuối năm	19.576.584	19.576.584

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 58.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí mua sắm TSCĐ	55.790.909	29.090.909
Chi phí xây dựng ISO	-	169.619.048
Chi phí xây dựng cơ bản khác	125.876.280	67.394.388
Cộng	181.667.189	266.104.345

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Xăng dầu khu vực V-TNHH Một Thành Viên	1.478.553.930	752.737.040
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tiến Ngọc	-	694.762.500
Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh	544.139.000	-
Công ty TNHH MTV Dũng Anh Quốc	527.561.430	332.178.682
Các đối tượng khác	1.503.957.360	738.576.810
Cộng	4.054.211.720	2.518.255.032

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.321.278.993	16.933.675.182	14.369.278.517	-	4.885.675.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	955.138.785	1.122.134.500	1.402.955.437	-	674.317.848
Thuế thu nhập cá nhân	10.681.690	-	169.459.046	93.321.988	-	65.455.368
Thuế tài nguyên	-	1.435.600	4.878.800	5.984.800	-	329.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	848.750.342	848.750.342	-	-
Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	194.893.410	24.194.410	-	170.699.000
Cộng	10.681.690	3.277.853.378	19.291.791.280	16.762.485.494	-	5.796.477.474

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Phải trả người lao động

Theo Văn bản số 1608/SLĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 06/06/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng và Văn bản số 4569/UBND-SLĐTBXH ngày 15/06/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng về việc xác định quỹ tiền lương người lao động, quỹ tiền lương thù lao người quản lý của Công ty CP Môi Trường Đô thị, thì Quỹ lương kế hoạch năm 2018 của Công ty được duyệt như sau:

- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của người lao động	100.114.178.076 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	2.211.600.000 đồng
Tổng	102.325.778.076 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong năm 2018, Công hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao và Công ty tạm trích quỹ lương thực hiện năm 2018, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động	103.887.889.128 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách	2.322.851.818 đồng
Tổng	106.210.740.946 đồng

Cho đến hiện nay, Công ty chưa lập Quyết toán tiền lương thực hiện năm 2018 để trình Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng thẩm định và phê duyệt theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	4.535.225.762	4.922.607.600
Trích trước chi phí vượt thu	1.001.750.002	1.155.032.045
Các khoản trích trước khác	42.500.000	49.500.000
Cộng	5.579.475.764	6.127.139.645

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	510.702.489	-
Phải trả về cổ phần hóa (*)	15.626.493.880	15.727.237.156
Cổ tức phải trả	475.880.918	108.730.654
UBND Thành phố Đà Nẵng (*)	29.033.713.983	32.775.373.075
Phải trả khác	6.512.219.600	3.620.410.105
Cộng	52.159.010.870	52.231.750.990

(*) Là các khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa đang được quyết toán, chờ bàn giao và giá trị tài sản được Ngân sách đầu tư phải trả lại cho UBND Thành phố Đà Nẵng. Số liệu này sẽ thay đổi khi có số liệu bàn giao chính thức từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số thực chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.059.694.991)	3.600.000.000	3.064.249.000	(6.523.943.991)
Quỹ thưởng Ban điều hành	(65.256.104)	298.905.684	191.100.000	42.549.580
Cộng	(7.124.951.095)	3.898.905.684	3.255.349.000	(6.481.394.411)

Trong tổng số Quỹ khen thưởng phúc lợi âm tại ngày 31/12/2018 có 4.155.330.823 đồng là Quỹ khen thưởng phúc lợi bị âm trong giai đoạn từ sau ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2015), các số liệu đang chờ quyết toán chính thức số liệu cổ phần hóa và bàn giao cho Công ty cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	9.975.510.328
Tăng trong năm	-	-	-	-	7.359.692.305
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	17.335.202.633
Số dư tại 01/01/2018	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	17.335.202.633
Trình bày lại (*)	-	-	154.703.244	(154.703.244)	-
Tăng trong năm	-	-	3.017.225.825	-	8.284.446.045
Giảm trong năm	-	-	-	-	17.335.202.633
Số dư tại 31/12/2018	57.736.000.000	111.896.964	3.481.335.556	-	8.284.446.045

(*) Là Quỹ dự phòng tài chính đã được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2015, trước đây Công ty trình bày trên khoản mục Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, nay Công ty trình bày lại đúng theo quy định tại Thông tư 200/TT-BTC.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Các cổ đông khác	16.656.710.000	16.656.710.000
Cộng	57.736.000.000	57.736.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	17.335.202.633	9.975.510.328
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	8.284.446.045	7.359.692.305
Phân phối lợi nhuận	17.335.202.633	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	17.335.202.633	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	3.017.225.825	-
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	298.905.684	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.600.000.000	-
+ Chia cổ tức	10.419.071.124	-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	8.284.446.045	17.335.202.633

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 và năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 346/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2018.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 12/06/2018 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016, năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ lần lượt là 10% và 8,04% vốn điều lệ. Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức nêu trên vào ngày 13/07/2018 và thực hiện chi trả từ ngày 15/08/2018.

21. Nguồn kinh phí

	31/12/2018	01/01/2018
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	381.900.000	193.900.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.210.200.000	1.500.100.000
Chi sự nghiệp	1.068.500.000	1.312.100.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	523.600.000	381.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Tên tài sản	Số lượng
Công trình Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn	1
Công trình Tuyến đường Hoàng Văn Thái vào bãi rác Khánh Sơn	1
Tường rào bãi rác Khánh Sơn	1
Hồ xử lý nước rỉ rác bãi rác Khánh Sơn	2
Công trình Bãi đổ bùn	1
Bãi đổ phế thải Hòa Nhơn (NS)	1
Nhà vệ sinh công cộng làm bằng công nghệ hút chân không RTM (Thử nghiệm)	12
Nhà vệ sinh công cộng làm bằng công nghệ hút chân không RTM (NS)	12
Nhà vệ sinh công cộng làm bằng công nghệ hút chân không RTM (NS)	12
Nhà vệ sinh đông cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh tây cầu Sông Hàn	1
Nhà vệ sinh Công viên Bắc Tượng đài	1
Nhà vệ sinh Công viên Bạch Đằng Đông	1
Nhà vệ sinh Trung tâm Hội chợ triển lãm	1

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt	97.758.938.139	76.096.839.014
Doanh thu theo đơn đặt hàng	104.211.510.595	96.600.701.819
Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	43.079.019.065	37.953.803.406
Doanh thu hoạt động bán thùng rác, chế phẩm sinh học	1.386.841.812	1.705.602.276
Cộng	246.436.309.611	212.356.946.515

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	891.381.904	1.100.806.216
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	222.288.706.236	192.710.545.229
Cộng	223.180.088.140	193.811.351.445

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	124.294.113	88.860.570
Cộng	124.294.113	88.860.570

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	52.301.750	-
Cộng	52.301.750	-

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	6.906.793.487	6.004.239.674
Chi phí vật liệu quản lý	362.355.326	349.458.128
Chi phí đồ dùng văn phòng	197.864.565	245.893.976
Thuế, phí và lệ phí	866.686.838	448.617.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.656.865.682	2.640.309.881
Chi phí bằng tiền khác	549.449.405	893.456.558
Cộng	12.540.015.303	10.581.975.744

28. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền bồi thường	-	387.455.870
Bán hồ sơ mời thầu	10.909.092	11.818.181
Thu nhập từ quà tặng tổ chức Koica	-	214.183.125
Các khoản khác	2.450.000	139.091
Cộng	13.359.092	613.596.267

29. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Lỗi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	228.799.416
Tiền phạt vi phạm hành chính	1.370.678.077	56.193.583
Chi phí tháo dỡ nhà vệ sinh tại công viên 29/3	-	38.941.818
Chi phí mở thầu	11.300.000	-
Chi phí xử lý nợ	3.999.001	-
Chi phí khác	9.000.000	18.427.027
Cộng	1.394.977.078	342.361.844

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.406.580.545	8.289.983.318
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	9.319.355.667	7.669.234.286
- Từ hoạt động khác	87.224.878	620.749.032
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.727.539.577	392.177.780
- Điều chỉnh tăng	1.727.539.577	392.177.780
+ Phạt vi phạm hành chính	1.370.678.077	56.193.583
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	240.000.000	192.000.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	116.861.500	143.984.197
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.134.120.122	8.682.161.098
- Từ hoạt động kinh doanh xã hội hóa	11.046.895.244	8.061.412.066
- Từ hoạt động khác	87.224.878	620.749.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.122.134.500	930.291.013

31. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.284.446.045	7.359.692.305
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(3.898.905.684)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	3.898.905.684
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.284.446.045	3.460.786.621
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.435	599

- Chi tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chi tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.622.558.986	37.183.014.709
Chi phí nhân công	133.641.999.021	119.086.399.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.335.442.358	11.249.081.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.403.654.056	28.441.897.724
Chi phí khác bằng tiền	1.825.067.118	7.365.857.913
Cộng	234.828.721.539	203.326.251.974

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải và trong khu vực địa lý chủ yếu là thành phố Đà Nẵng.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ cũng như không sử dụng nguồn vốn vay nên hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường đô thị nên chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí nhân công và các chi phí vật tư, dịch vụ mua ngoài khác. Đối với chi phí nhân công, Công ty xây dựng quỹ tiền lương theo qui định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 áp dụng cho các Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Đối với vật tư, dịch vụ mua ngoài khác, Công ty tham khảo giá của nhiều nhà cung cấp để đảm bảo giá mua là hợp lý. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Các khách hàng chính của Công ty là Sở Tài nguyên & Môi trường và các Quận huyện Thành phố Đà Nẵng thanh toán bằng nguồn vốn Ngân sách nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.054.211.720	-	4.054.211.720
Chi phí phải trả	5.579.475.764	-	5.579.475.764
Phải trả khác	51.648.308.381	-	51.648.308.381
Cộng	61.281.995.865	-	61.281.995.865
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.518.255.032	-	2.518.255.032
Chi phí phải trả	6.127.139.645	-	6.127.139.645
Phải trả khác	52.231.750.990	-	52.231.750.990
Cộng	60.877.145.667	-	60.877.145.667

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.587.537.359	-	14.587.537.359
Phải thu khách hàng	49.203.677.066	-	49.203.677.066
Phải thu khác	2.415.177.191	2.703.429.948	5.118.607.139
Cộng	66.206.391.616	2.703.429.948	68.909.821.564
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.490.488.304	-	30.490.488.304
Phải thu khách hàng	21.631.149.678	-	21.631.149.678
Phải thu khác	4.446.745.321	-	4.446.745.321
Cộng	56.568.383.303	-	56.568.383.303

35. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
Hội đồng quản trị	Tiền lương	342.000.000	315.997.200
	Thù lao	112.800.000	96.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương	1.328.954.545	1.228.878.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Cam kết thuê hoạt động đối với đất thuê

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng với các hợp đồng như sau:

Hợp đồng số	Diện tích đất thuê (m2)	Vị trí	Mục đích thuê	Giá thuê (đồng/m2/năm)	Phương thức nộp
46/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.123,7	469 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	140.868	Nộp tiền hằng năm
47/HĐTĐ ngày 24/12/2012	2.437,6	471 Núi Thành, Đà Nẵng	Nhà làm việc, nhà xưởng, kho	137.985	Nộp tiền hằng năm

Ngoài ra, một số thửa đất đang được Công ty quản lý và sử dụng làm nhà làm việc, trạm trung chuyển, trạm ép rác... đã có Quyết định thu hồi đất và giao Công ty quản lý. Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan để được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất này.

37. Thông tin liên quan đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp

Một số thông tin liên quan đến quá trình cổ phần hóa Công ty CP Môi trường Đô Thị Đà Nẵng như sau:

- Công ty thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vào ngày 01/01/2014;
- Ngày 30/12/2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 9594/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Đà Nẵng thành Công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 57.736.000.000 đồng, trong đó vốn nhà nước nắm giữ 51%;
- Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 01/10/2015;
- Ngày 30/05/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty đã họp và thống nhất số liệu liên quan đến việc cổ phần hóa;
- Số liệu quyết toán cổ phần hóa hiện đang trình các cấp có thẩm quyền và chờ quyết định chính thức từ Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Do vẫn chưa có bàn giao số liệu chính thức từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần nên các số liệu trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu bàn giao chính thức giữa Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngoài sự kiện liên quan đến quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp có thể làm thay đổi một số số liệu trên Báo cáo tài chính thì không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
 471 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Tổng Giám đốc

Võ Minh Đức
 Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Đỗ Văn Tài

Người lập biểu

Võ Thị Mận



Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2019

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Minh Đức